

SỐ 1552

# LUẬN TẠP A-TỖ-ĐÀM TÂM

*Tác giả: Tôn giả Pháp Cú.*

*Hán dịch: Tam Tạng Tăng già Bạt Ma,  
người Thiên Trúc, Đời Lưu Tống.*

## QUYỂN 1

### Phẩm MỞ TỰA

*Các Đại sư thuở xưa  
Đối với pháp sâu xa  
Đa văn thấy Thánh tích  
Đã nói tất cả nghĩa.  
Tinh tiến phương tiện cầu  
Chưa từng được phần khác  
Luận A-tỳ-đàm Tâm  
Bậc học rộng đã nói.  
Có khi rất tổng lược  
Có khi rộng vô lượng  
Với các thuyết như vậy  
Không thuận Tu-đa-la.  
Khéo thuận theo sáng tỏ  
Chỉ luận này hơn hết  
Không nương hư không luận  
Người trí còn không rõ.  
Quá lược khó rõ biết  
Quá rộng, khiến thối trí  
Nay tôi nói vừa chừng*

*Nói rộng nghĩa trang nghiêm.*

Nói rộng, theo âm Hồ là Tỳ-bà-sa. Vì dùng nghĩa trong Tỳ-bà-sa để trang nghiêm. Nói “vừa chứng” đó là, nói các sự giải thích nghĩa A tỳ đàm Tâm luận của ngài Pháp Thắng thì rộng, lược không đồng. Bản giải thích của chính ngài Pháp Thắng thì quá lược. Còn luận thích với tám ngàn kệ giải thích của Ưu bà phiến đa và một luận sư khác với mười hai ngàn kệ giải thích thì lại quá rộng. Ngài Hòa-tu-bàn-đầu dùng sáu ngàn kệ để giải thích pháp bí mật sâu xa., rộng lớn, không có vương chấp điều gì. Người đối với Tam tạng mà giải thích, thì không dựa vào hư không mà luận.

*Kính lễ Pháp Thắng tôn*

*Đã nói tôi kính nhận  
Đạt-ma-đa-la tôi  
Nói điều chưa từng nói  
Đệ tử đều khuyến thỉnh  
Tỳ-đàm Tỳ-bà-sa  
Chuyên tinh tư duy nghĩa  
Các Hiền đều nên học  
Chánh yếu dễ hiểu rõ  
Lìa não cứu chúng sinh.*

Lại nữa, vì hiển hiện pháp thanh tịnh, đối trị phiền não, vì dựa vào A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa là thích đáng nhất, nên Đại đức Pháp Thắng và Đạt-ma-đa-la tôi cùng trang nghiêm chung bộ Tập A-tỳ-đàm Tâm, lìa các rộng lược, nói nghĩa chân thật.

Hỏi: Hãy tạm gác lại nghĩa chân thật, thế nào gọi là A-tỳ-đàm? Sao gọi là Tỳ-bà-sa?

Đáp: Đấng Mâu-ni đã thuyết pháp chứa đựng pháp vị, ý nghĩa sâu xa của các đế, đệ nhất nghĩa đế nay nói rõ nghĩa tánh chân thật của các đế ấy v.v... gọi là A-tỳ-đàm. Lại có thể hiển hiện về nghĩa của Tu-đa-la, như đèn soi sáng là tánh của tuệ căn. Nếu nhận lấy tự tướng thì giác ngộ pháp đó gọi là A-tỳ-đàm. Nếu nhận lấy các thứ là tánh của năm ấm, gọi là sự vượt hơn trong các luận, hướng đến giải thoát, gọi là A-tỳ-đàm.

Lại nữa, Tỳ-bà-sa là nghĩa của tánh chân thật, do Đấng Mâu-ni giảng nói. Sự phân biệt hỏi đáp, nhằm nghiên cứu chỗ chân yếu, thuận theo Tu-đa-la, khai mở niềm vui cho mọi người. Đó là như: tánh tướng danh tự, địa, y, hành, duyên, niệm, trí, căn, định, thế, thiện và nghĩa giới học, nghĩa kiến đế đoạn, duyên phương tiện đắc, cũng là lìa dục đắc;

khởi sự đầu tiên ở chỗ nào, gồm thân nhân tương ứng, duyên quả, hữu quả v.v..., vô lượng các thứ nghĩa của các pháp sinh, thuyết có nhiều loại, nhiều thuyết, đó gọi là Luận Tỳ-bà-sa.

Như Phật Thế Tôn nói tóm lược về hai trí: Pháp trí và Tỷ trí. Tỳ-bà-sa nói thì vô lượng phân biệt, nghĩa là Pháp trí kia là tánh tuệ vô lậu, là tướng của trí. Gọi là Pháp trí tức bắt đầu biết pháp, đó gọi là Pháp trí, ở sáu địa, dựa vào cảnh giới của mười sáu hành nơi cõi Dục, bốn đế, bốn niệmu xứ, trí ấn, trí tướng, ba căn, ba tam-muội tương ứng (Ba căn là hỷ, lạc, xả; Ba tam-muội là có giác, có quán, không có giác có quán, không có giác không có quán) ba đời, duyên ba đời và xa lìa đời. Đây là ba thứ duyên thiện (thiện, bất thiện, vô ký) là duyên không trói buộc nơi cõi Dục và không trói buộc, là Học, Vô học duyên ba thứ (Học, Vô học, Phi học phi vô học) là ba loại bất đoạn duyên (kiến đế đoạn, tu đạo đoạn và không đoạn).

Duyên danh và duyên nghĩa, phương tiện đắc, lìa dục đắc, từ cõi Dục khởi pháp của pháp giới, nhập, thuộc về hành ấm, pháp giới, ý giới tương ứng với ý thức giới.

Tự tánh của ba nhân, bốn duyên do ba nhân là chỗ sinh ra. Chỗ sinh của tự tánh bốn duyên là bắt đầu sinh quả y vô lậu và quả công dụng.

Câu sinh, nghĩa là chỉ có quả công dụng. Có quả, nghĩa là ba quả, hai quả trước và quả giải thoát, không nói quả tăng thượng. Tất cả pháp như thế cần nên biết.

Hỏi: Đã biết căn bản của duyên khởi lâu xa, A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa đều nói về pháp đối trị của duyên khởi đó, vì sao nói là nghĩa chân thật?

Đáp: Vì biết nghĩa chân thật. Nếu không phân biệt các luận, tất nhiên khó có thể biết rõ. Vì không biết nên thật trí không phát sinh, vì thật trí không phát sinh nên không biết chân thật. Vì không biết chân thật nên không nhận thấy được lỗi ác của các hành phiền não. Vì không thấy lỗi lầm nên rơi vào đường ác. Trái lại là sinh lên cõi trời, giải thoát.

Hỏi: Đã nói lý do thuyết minh về sự chân thật, tưởng cũng nên nói về nghĩa chân thật?

Đáp: Luận này thù thắng nhất trong các luận chỉ cho chúng ta biết rõ đầy đủ tất cả cảnh giới. Ở luận A-tỳ-đàm thì trí tuệ thêm rộng. Lúc đời năm trước gia tăng, thời, mạng ( kiếp trước, mạng trước) trí tuệ và niệmu đều bị tổn giảm, quán sát những việc đối với luận rộng lớn này

mà nghe, thọ trì cảm thấy sợ hãi. Vì làm lợi ích cho mình và mọi người nên tôi trong ba thời khéo nói tóm lược về điều chân thật. Vì thương xót ngoại đạo và các sư tà luận, xa cách Pháp chủ của chánh luận vượt hơn trước và các Thánh chúng, khắp trong đây, sinh tâm kinh tin, khai phát khiến chúng sinh nhớ nghĩ đến Phật, Pháp, Tăng, đồng thời mở bày công đức chân thật của Tam bảo, vì thế mới soạn luận nói kệ ấy.

-----

## Phẩm 1: GIỚI

*Trước đành lễ Tối thắng  
Lìa não, an nơi giáo  
Thuyết giảng đều đầy đủ  
A-la-hán thấy chân đế.*

Đành lễ: Là khởi tâm thiện, chuyển quả ái, khởi thân kính lễ. Tiền là trước. Sao gọi là trước? Nghĩa là tối thắng. Vì thị hiện chỗ cúng dường. Tối thắng có nghĩa gì? Là hàng phục các phiền não nên gọi là Tối thắng. Như kệ đã nói: “Ưu-ba-già nên biết! Như Chư Phật của chúng ta đều đã lìa các lậu, cho nên gọi là Tối thắng”.

Lìa phiền não: Là các triền phiền não đốt cháy thân tâm. Qua nhiều kiếp, Đức Thế Tôn đã đem lại sự yên ổn cho chúng sinh. Vì thiêu đốt phiền não hết hẳn nên gọi là lìa phiền não. Vì sự an lạc nên nói phải biết là lìa phiền não, do đấy kể là nói về an giáo. An là an ổn, giáo là ngôn thuyết. Vì lời dạy bảo đem lại sự yên ổn nên gọi là an giáo. Nói tóm tắt, tự yên ổn cho mình đồng thời đem lại sự yên ổn cho người. Lìa phiền não là tự yên ổn, an giáo nghĩa là đem lại sự yên ổn cho người khác.

Vì không điên đảo nên biết là an giáo, cho nên kể là nói những gì đã nói đều đầy đủ. Thuyết là ngôn thuyết tức là an giáo. Đầy đủ nghĩa là biện luận thích đáng, sâu xa, mầu nhiệm, biểu hiện rõ sự quyết đoán. Nói không điên đảo là nghĩa đến chỗ chân thật, vì không trái với hai đế, nên nói là đầy đủ. Thế nên lễ pháp ấy được gọi là cúng dường pháp.

A-la-hán nghĩa là đến chỗ rốt ráo, pháp tướng đầy đủ. Vì thế kể là nói A-la-hán là ruộng phước chân thật, xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường, nên gọi là A-la-hán. Đây là hoàn toàn nói về bậc Vô học.

Nói Vô học rồi, kể là nói học kiến chân thật, chân thật nghĩa là bốn Thánh đế không điên đảo, nghĩa là đã học tám nhãn, tám trí, thấy được chân đế nên gọi là kiến chân thật. Tuy trú nơi kiến đạo chưa chu toàn bốn đế, tất nhiên cần phải kiến, nên cũng gọi là kiến chân thật.

Hỏi: Vì sao kính lễ?

Đáp:

*Đấng Mâu-ni biết cả  
Hai thứ tướng pháp tụ  
Cũng vì người hiện rõ  
Nay tôi nói ít phần.*

Mâu-ni, nghĩa là thân, miệng, ý viên mãn, nên gọi là Mâu-ni. Điều

là đấng Nhất Thiết trí đã nói Tu-đa-la, Tỳ-ni và A-tỳ-đàm truyền bá rộng rãi đến nay. Biết nghĩa là thấy biết nghĩa giác. Pháp nghĩa là nắm giữ, vì gìn giữ tự tánh nên gọi là Pháp. Vì pháp có tính chứa nhóm nên gọi là pháp tụ. Pháp thiện kia là pháp thiện tụ. Pháp bất thiện, vô ký cũng như thế. Hai thứ này là danh số. Tướng là tướng mạo.

Hỏi: Thế nào là hai tướng?

Đáp: Tự tướng và cộng tướng. Tự tướng là không chung, tức không phải tướng khác, như tướng trở ngại là sắc, so sánh như vậy. Cộng tướng là chung, tướng chung này và tướng khác, như sắc là vô thường, so sánh như vậy.

Hỏi: Nếu tướng ngăn ngại là tự tướng của sắc thì cũng là cộng tướng, vì quán bốn ấm là tự tướng, quán mười thứ sắc là cộng tướng. Như thế tự tướng tức là quán cộng tướng, có hai thứ lớp tướng, cộng tướng là không thành?

Đáp: Một là tự, vì ngăn ngại là tướng của sắc, nên gọi là tự tướng của sắc. Vì các sắc khác nhau nên nói là sắc có mười thứ. Ông nói là quán tự tướng, cộng tướng không thành thì không đúng. Vì sao? Vì không hư hoại, như cha con, như trái và hạt giống, như khố, tập đố, như cho phép, ngăn cấm. Nếu quán tự tướng thì không phải cộng tướng, nếu quán cộng tướng thì không phải tự tướng. Như một người vừa gọi là cha, vừa gọi là con. Vì do có cha nên gọi là con, vì có con nên gọi là cha. Nếu quán cha thì sẽ không quán con. Nếu quán con tất nhiên sẽ không quán cha. Nếu nói không thành thì không đúng. Vì sao? Vì đã thành, đây là nghĩa cha con đã thành. Nếu là thiện hoặc ác, chánh kiến, tà kiến trong đó nói rộng, khởi lên nghiệp Vô gián. Nếu không có nghĩa cha, cũng không có tà kiến không cha và chánh kiến có cha. Nếu việc này không có thì việc sạch nhơ cũng không có, mà sự sạch nhơ đã không có tất nhiên sự giải thoát cũng không có. Nếu không có nghiệp Vô gián thì cũng không có nhân quả, mà nhân quả đã không có thì tất cả pháp cũng không có, đừng nói là không có lỗi. Thế nên nghĩa cha con được thành thì không thể đã thành lại thành, vì nếu đã thành lại thành thì sẽ vô cùng, cho nên nghĩa tự tướng và cộng tướng được thành.

Hỏi: Những pháp Phật nhận biết, Ngài sẽ nói tất cả chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Vậy Ngài đã nói những gì?

Đáp: Cũng vì người khác thị hiện rõ, nay ta nói một phần ít. Thị hiện rõ là khai thị nghĩa. Người khác là người được giáo hóa. Nếu nghĩa lợi ích, thuận theo phạm hạnh, như Khế kinh Thân Thứ Lâm nói: “Hôm

nay ta chỉ nói một phần ít trong pháp mà Phật đã vì người khác giảng nói. Chỗ nhận biết của Như lai sâu rộng vô lượng, như Tôn giả Xá-lợi-phất còn không thể nói hết, huống chi là người khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói pháp gì?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu, tất cả như thế.

*Tất cả hành hữu lậu*

*Lìa ngã lạc thường tịnh*

*Vì không thấy hữu lậu*

*Nên vọng chấp làm Ngã v.v...*

Các hành hữu lậu này vì không tự tại nên lìa ngã, vì ba khổ thành nên lìa lạc, vì sức của duyên nên lìa thường, vì ở chốn phiền não nên lìa tịnh.

Hỏi: Những gì là hành hữu lậu?

Đáp: Năm ấm do các phiền não sinh ra.

Hỏi: Nếu hành hữu lậu lìa ngã, lạc, thường, tịnh thì tại sao ở trong đó chúng sinh lại thọ nhận?

Đáp: Vì không thấy hữu lậu nên vọng thọ chấp ngã, v.v... Đối với hành hữu lậu chúng sinh không biết tướng hữu lậu bèn nhận lãnh là ngã, lạc, thường, tịnh. Vì sự tạo nghiệp đã che lấp nên không biết phi ngã (vô ngã). Vì oai nghi bị che lấp nên không biết là khổ. Vì sự nối tiếp giống nhau đã che lấp nên không biết chẳng phải thường (vô thường). Vì lớp da mỏng che khuất nên không biết là bất tịnh. Vì không nhận biết như vậy nên nhận làm ngã, lạc, thường, tịnh.

Hỏi: Tướng nào là hành hữu lậu?

Đáp:

*Nếu các phiền não tăng*

*Là Thánh nói hữu lậu*

*Vì tên hữu lậu kia*

*Người tuệ nói phiền não.*

Hoặc nương dựa, hoặc duyên theo tăng trưởng các phiền não như thân kiến, v.v... như phẩm Sử nói: Vì các hành kia sinh ra từ lậu, vì sinh ra lậu, vì ở trong lậu, nên nói là hữu lậu. Duyên vô lậu không tăng trưởng, duyên trung thượng thì không như vậy. Vì tăng nương dựa, chẳng phải không tăng, tăng nương dựa, không tăng duyên.

Hỏi: Vì sao?

Đáp:

*Vì tên hữu lậu kia*

*Người tuệ nói phiền não.*

Phiền não nói là lậu, vì tất cả nhập, xứ thường rịn chảy, vì tâm lậu liên tục rỉ chảy, cho nên các hành phiền não tăng nên biết là hữu lậu.

Hỏi: Hữu lậu kia còn có tên khác không?

Đáp:

*Cũng gọi là phiền não  
Thọ ấm và tranh cãi  
Vì phiền thọ tránh khởi  
Là các Hiền Thánh nói.*

Tức hành hữu lậu này gọi là phiền não, thọ lãnh ấm, tranh cãi. Vì sao? Vì lúc thọ nhận phiền não thì sự cạnh tranh sinh khởi, là các Hiền Thánh nói. Các phiền não như thân kiến v.v... làm não hại chúng sinh nên gọi là phiền não. Vì nhận lãnh thân mình nên gọi là thọ. Vì tâm bị nhiễm loạn nên gọi là tránh, tránh có ba thứ: Phiền não tránh, ấm tránh và đấu tránh.

Phiền não tránh là một trăm lẻ tám phiền não. Ấm tránh nghĩa là sự chết. Đấu tránh là các thứ đều trái nhau. Nên biết trong đây nói phiền não tránh là các phiền não như thân kiến v.v... sinh ra các hành hữu lậu. Vì từ phiền não nảy sinh nên nói là phiền não. Vì từ thọ sinh ra nên nói là thọ ấm, từ tránh sinh khởi nên nói là tránh.

Đã nói tướng của thọ ấm, nay sẽ nói về tướng ấm.

*Nếu hành lìa phiền não  
Cũng giải thoát các lậu  
Hành và thọ ấm trước  
Ấm này do Thánh nói.*

Nếu hành lìa bỏ các phiền não như thân kiến, v.v... và các lậu, phải biết là hành vô lậu. Các hành vô lậu này và thọ ấm đã nói ở trước, đây gọi là tướng ấm.

Sự khác nhau giữa ấm và thọ ấm, nghĩa là chuyển biến và không chuyển biến, hợp lại thành ấm, chuyển biến là thọ ấm.

Hỏi: Việc này là sao?

Đáp:

*Gọi là sắc, thọ ấm  
Tướng, hành cùng với thức  
Là thứ lớp năm ấm  
Thuận theo nói thô, tế.*

Năm ấm này là sắc, thọ, tướng, hành, thức ấm.

Hỏi: Thế nào là sắc ấm?

Đáp: Tất cả các sắc quá khứ, vị lai, hiện tại nói rộng như thế. Các



sắc ấm đó khởi rồi lại diệt là nói quá khứ, chưa khởi chưa diệt là nói vị lai, đã khởi, chưa diệt là nói hiện tại. Ở thân mình gọi là trong, ở thân người và số phi chúng sinh gọi là ngoài.

Lại nữa, về nghĩa trong ngoài như nói nhập, xứ. Tho gọi là có đối, tế gọi là không đối. Nếu nói không thành thì không đúng, vì quán không thành là không đúng. Nếu quán thô thì không phải tế, nhiễm ô gọi là sắc xấu ác, không nhiễm ô gọi là sắc tốt đẹp. Quá khứ, vị lai gọi là xa, hiện tại gọi là gần. Nghĩa xa có bốn thứ, như phẩm Hạnh nói. Tất cả thứ đó hoàn toàn là nói lược. Về sắc ấm đây gọi là lược chứ không phải sự lược. Như sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng như vậy.

Trong đó có sự khác nhau, nghĩa là thân mình nhận lãnh gọi là bên trong, thân người khác nhận lãnh gọi là bên ngoài. Nội duyên, ngoại duyên, lực phương tiện khởi, lực cảnh giới khởi. Tho là năm thức thân, tế là ý địa. Địa giới nhiễm ô, không nhiễm ô cũng như thế, cho đến thức ấm cũng như vậy, hành là hành ấm. Bên ngoài là số chúng sinh, phi chúng sinh, nên biết.

Hỏi: Sắc cho đến thức có tướng gì?

Đáp: Tướng ngăn ngại là tướng của sắc. Tùy giác là tướng của thọ, thuận với biết là tướng của tưởng. Sự tạo tác là tướng của hành. Sự phân biệt là tướng của thức. Sắc quá khứ kia tuy không ngại nhưng đã từng chướng ngại. Tuy sắc ở vị lai chưa ngại, nhưng vì sẽ trở ngại, dù mỗi cực vi tuy không ngại nhưng vì nhiều số cực vi tụ tập lại thì trở ngại. Vô tác (vô tác sắc) tuy không ngại nhưng do sắc tạo tác là ngại, nên cực vi kia cũng trở ngại, như cây chao động, bóng cây cũng chao động. Như sắc ấm quá khứ, vị lai, bốn ấm còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao trước đây nói sắc ấm cho đến thức ấm?

Đáp: Vì thuận theo nói thứ lớp thô tế của năm ấm này. Sắc ấm trong năm ấm kia rất thô, vì năm thức nương dựa, vì cảnh giới sáu thức, nên nói trước. Thọ ấm tuy không phải sắc, vì hành thô nên như nói về sắc, như đầu chân, v.v... của ta thọ nhận sự tùy chuyển, như vậy cho đến thức ấm rất tinh tế cho nên nói sau. Lại nữa, từ lúc không thể biết bốn tế đến nay, nam vì sắc của nữ, nữ vì sắc của nam, vì chỗ nhiễm đấm cho nên nói trước. Vì thích thọ nhận tham, nên khởi sắc dục. Vì tưởng điên đảo nên khởi tham lạc thọ. Vì phiền não nên khởi lên tưởng điên đảo, vì dựa vào ý nên khởi phiền não.

Lại nữa, vì quán hai thứ sắc nên nhập vào pháp Phật là cửa ngõ cam lộ, nghĩa là quán bất tịnh và niệm an ban. Quán bất tịnh kia nghĩa là quán sắc tạo. Niệm an-ban nghĩa là quán bốn đại, vì vậy nên trước

nói sắc ấm, quán sắc rồi mới nhận lỗi của thọ, thấy được lỗi của thọ thì tưởng không điên đảo, tưởng đã không điên đảo thì phiền não sẽ không hiện hành, phiền não đã không hiện hành tất nhiên tâm có thể nhàn. Đây là nói thuận với năm ấm. Nay sẽ nói nghịch với năm ấm. Vì sự sống sạch, như đều lấy tâm làm gốc, cho nên trước quán thức ấm. Quán thức ấm rồi, phiền não sẽ mỏng. Phiền não đã mỏng thì khởi lên tưởng pháp. Khởi tưởng pháp thì tham thọ không sinh. Tham thọ không sinh nên quán sắc, cho nên, trước nói sắc ấm cho đến thức ấm.

Hỏi: Thế nào là phân biệt nói sắc ấm?

Đáp:

*Mười thứ là sắc nhập  
Và giả sắc vô tác  
Phân biệt sắc ấm ấy  
Lời đáng Mâu-ni nói.*

Mười thứ gọi sắc nhập: Nghĩa là sắc của mắt, tiếng của tai, mùi của mũi, vị của lưỡi, xúc chạm của thân.

Giả sắc vô tác là: Như phẩm Nghiệp nói. Các sắc này, mỗi sắc được nói trong sắc ấm.

*Đã gọi là thức ấm  
Đây tức là ý nhập  
Ở trong mười tám giới  
Cũng lại nói bảy thứ.*

Nói thức ấm tức là ý nhập, là nói bảy tâm giới trong mười tám giới.

*Ngoài ra có ba ấm  
Vô tác, ba vô vi,  
Đây là nói pháp nhập  
Cũng gọi là pháp giới.*

Ba ấm: Thọ ấm, tưởng ấm và hành ấm. Ba tác vô vi vô: Hư không, số diệt, không phải số diệt. Bảy pháp này gọi là pháp nhập, cũng gọi là pháp giới.

Hỏi: Vì sao thọ, tưởng được lập riêng là ấm, còn tâm pháp khác lại chỉ được lập một hành ấm?

Đáp:

*Luân chuyển trong sinh tử  
Phải biết hai căn tránh  
Cho nên thọ, tưởng riêng  
Kiến lập làm hai ấm.*

Vì hai việc nên chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, đó là tham lạc thọ và tưởng điên đảo. Vì tham lạc thọ nên hành ái, vì tưởng điên đảo chấp trước nên hành kiến.

Hai căn tránh, nghĩa là tập dục ái, Tham dục buộc từ thọ sinh, kiến dục buộc từ tưởng sinh. Thọ tu các thiền, tưởng tu Vô sắc. Lại nữa, tâm pháp hoặc căn, hoặc chẳng phải căn. Căn pháp là thọ, chẳng phải căn pháp là tưởng, thế nên tùy theo nghĩa mà nói.

Hỏi: Tất cả năm ấm đều là hành, vì sao nói một hành ấm?

Đáp:

*Dù năm ấm là hành  
Mà tên một thọ hành  
Vì pháp hữu vi nhiều  
Nói hành ấm là đủ.*

Vì trong hành ấm có nhiều hành: pháp hữu vi như tương ứng, bất tương ứng v.v... Pháp tương ứng nghĩa là tự nguyện, v.v... Pháp bất tương ứng nghĩa là đắc, v.v...

Hỏi: Tất cả đều là hành ấm, vì sao Khế kinh nói một tư là hành ấm, không phải pháp khác?

Đáp: Vì vượt hơn, vì tăng thượng, vì trước hết, vì tưởng là tướng của hành, tư kia là tánh của tác. Nếu có ấm khác thì đều nhập vào năm ấm, nay sẽ nói như thật.

*Nói rộng các pháp ấm  
Gồm có tám mươi ngàn,  
Giới và các ấm khác  
Đều thuộc về năm ấm.*

Tám muôn pháp ấm đều thuộc về sắc ấm, vì Phật nói về tánh của lời nói. Có thuyết nói: Gọi là tánh là thuộc về hành ấm, năm ấm như giới khác v.v... Giới ấm giới đó thuộc về sắc ấm. Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều thuộc về hành ấm. Nếu có tên ấm khác đều thuộc về năm ấm.

Hỏi: Giới hạn ngang đâu gọi là pháp ấm?

Đáp:

*Pháp ấm là kinh luận  
Mỗi pháp nói như vậy  
Và các hành đối trị  
Đều gọi số pháp ấm.*

Có thuyết nói mỗi kinh, luận đều gọi là pháp ấm. Số kinh luận như vậy có đến sáu ngàn. Có thuyết nói: Mỗi xứ ấm là xứ pháp ấm. Lại nói

xứ ấm, xứ giới, v.v... đều là số pháp ấm. Nói như vậy nghĩa là chúng sinh có tám muôn hành. Cho nên Đức Thế Tôn tùy theo chỗ hành kia, vì họ nói pháp đối trị, đều là số pháp ấm.

Hỏi: Trước ông đã nói mười loại, nghĩa là sắc nhập, cũng là giả sắc vô tác, đó gọi là sắc ấm. Vậy còn những pháp nào là nhập?

Đáp:

*Đó là nhãn, nhĩ, tỷ,  
Thiệt, thân cùng với ý  
Sắc, thanh, hương, vị, xúc  
Ngoài ra nói pháp nhập.*

Nhãn nhập kia nghĩa là chỗ nương của nhãn thức, sắc tịnh do bốn đại tạo, không thể thấy, có đối. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Sự khác nhau nghĩa là tùy theo chỗ nương dựa của thức. Ý nhập là tâm, ý, thức. Danh nghĩa tạo bày ra nghiệp ở đời. Các danh, v.v... kia đã tạo nên sự khác nhau, cần nên biết. Danh gọi là tâm, gọi là ý, gọi là thức. Nghĩa: Tập khởi là nghĩa của tâm. Tư lương là nghĩa của ý, phân biệt nhận biết là nghĩa của thức. Nghiệp: Biết xa là tâm, biết trước là ý, nối tiếp sinh ra là thức.

Đời: đời quá khứ là ý, đời vị lai là tâm, đời hiện tại là thức. Lập bày: Lập bày ra giới là tâm, lập bày ra nhập là ý, lập bày ra ấm là thức. Lại nữa, phân biệt tham, sân, si, v.v... là cảnh giới vô lượng. Tâm định gọi là không rối loạn, tâm nhiễm ô trái với tâm định này gọi là tán loạn. Tâm tương ứng với lười biếng, gọi là đi xuống, tâm tương ứng với tinh tiến, gọi là đi lên. Vì ít luyện tập tâm tịnh và tâm nhiễm ô, nên gọi là ít. Luyện tập nhiều tâm tịnh gọi là nhiều. Căn ít dễ được ít đối trị, tùy chuyển. Các tâm nhiễm ô gọi là nhỏ, tâm thiện trái với tâm này gọi là lớn. Ở tâm đó, đắc tu tập, không tu tập. Tâm nhiễm ô như vậy gọi là không tu. Tâm thiện trái với tâm này gọi là tu. Tự tánh giải thoát và tại giải thoát, ở tâm nhiễm ô kia gọi là không giải thoát, tâm thiện trái với tâm này, gọi là giải thoát. Hoặc có tâm tự tánh giải thoát, chẳng phải tại giải thoát, hoặc có tâm tại giải thoát, chẳng phải tự tánh giải thoát. Hoặc có tâm tự tánh giải thoát, cũng tại giải thoát, hoặc có tâm không phải tự tánh giải thoát, cũng chẳng phải tại giải thoát. Tự tánh giải thoát chẳng phải tại giải thoát, nghĩa là tâm hữu học vô lậu, tại giải thoát chẳng phải là tự tánh giải thoát, tâm vô học hữu lậu này là tự tánh giải thoát cũng tại giải thoát, tâm vô học vô lậu này chẳng phải tự tánh giải thoát cũng chẳng phải tại giải thoát. Tâm hữu học hữu lậu và tâm phàm phu.

Sắc nhập có ba thứ: sắc, xứ, câu (đều cùng có). Sắc: sanh, vàng, đỏ, trắng, nói rộng như vậy. Xứ: Là thân làm sắc. Câu (đều cùng có): như tạo ra bức họa, v.v...

Thanh nhập có ba thứ, nghĩa là nhân thọ tiếng của bốn đại, nhân không thọ tiếng của bốn đại, nhân đi chung với tiếng. Nhân thọ bốn đại, nghĩa là nhân duyên của cuống họng, môi, lưỡi, phát ra tiếng. Nhân không thọ bốn đại, nghĩa là nhân duyên của gió, chuông, cây, v.v... phát ra tiếng. Nhân đi chung với tiếng, nghĩa là do nhân duyên đánh trống thổi các nhạc cụ phát ra tiếng. Mỗi tiếng đó đều có hai thứ, đó là tiếng vừa ý, không vừa ý.

Hương nhập có ba thứ: Hương tốt, hương xấu, hương không phải tốt xấu. Vị nhập có sáu thứ: Cay, chua, ngọt, đắng, mặn, lạt.

Hỏi: Nếu lúc nếm vị, vị riêng là thiệt thức, vậy cái giác ở trước có phải là thân thức hay chăng?

Đáp: Nếu trước biết nóng lạnh, thì thân thức trước, thiệt thức sau, nếu phân biệt vị cay riêng, v.v... thì thiệt thức có trước, thân thức có sau.

Xúc nhập có mười một thứ, đó là bốn đại và bảy thứ sắc tạo. Bảy thứ sắc tạo đó là nhám, trơn, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói, khát. Nhám là thô cứng, trơn là mềm, nhỏ nhuyễn, nhẹ là không thể cân, nặng là đầy đặn, lạnh là tìm ấm, đói là thèm ăn, khát là muốn uống.

Hỏi: Có đại nào tăng nên có nhám, trơn, cho đến đói khát?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không tăng thêm riêng. Nghiệp báo của người đó trước được quả bốn đại nhám cho đến đói khát.

Có thuyết nói: Vì nước, lửa tăng nên trơn lạt, vì đất, gió tăng nên nhám rít, vì đất, nước tăng nên nặng, vì gió, lửa tăng nên nhẹ, vì nước, gió tăng nên lạnh, vì gió tăng nên đói, vì lửa tăng nên khát.

Hỏi: Có bao nhiêu xúc có thể phát sinh thân thức?

Đáp: Có thuyết nói: Từ sự nhám rít cho đến khát, mỗi việc đều có thể sinh khởi. Lại nói, năm xúc có thể khởi bốn đại cùng với chất nhám rít, như vậy cho đến đói khát.

Có thuyết nói: Có mười một thứ khởi lên thân thức v.v... vì là cảnh giới của thân thức này nên không có lỗi. Có hai thứ lớp tướng: sự tự tướng và nhập xứ tự tướng. Sự tự tướng là đồng cảnh giới. Nhập xứ tự tướng là cảnh giới của tự tướng. Trong mười một thứ này có hai thứ thuộc về cõi Dục, đói và khát chẳng thuộc cõi Sắc, chín thứ thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Chiếc áo của cõi Sắc tuy không thể cân nhưng với cõi khác cũng có thể cân, cũng có thể chứa nhóm, tuy không có tai hại của

sự lạnh nóng mà vẫn có sự nuôi lớn, điều hòa.

Sự đói khát: Hoặc nói dựa vào quả, vì thức ăn có thể đoạn. Phái A-tỳ-đàm nói: “Sắc báo không thể đoạn, đoạn rồi lại nối tiếp”. Phái Kế Tân nói: “Vì sự đói khát là báo thiện, bất thiện, vì ngăn ngại nên không thể biết. Thức ăn đã tiêu hóa rồi lại còn có thể biết, cho nên người giàu có mà đói khát là báo thiện, còn người nghèo khổ mà đói khát là quả báo bất thiện”.

Pháp nhập có bốn thứ sắc vô tác như phẩm Nghiệp chép: Tâm pháp như phẩm Hành nói và tâm bất tương ưng hành như phẩm Tập nói. Vô vi ở sau phẩm này sẽ nói. Trong nội nhập cảnh giới của nhãn nhập vì thô nên nói trước. Tự tánh của sắc nhập trong ngoại nhập vì thô nên nói trước. Vì là cửa vào của khổ, vui, nên nói là xứ nhập. Lại nghĩa sát hại là nghĩa của nhập xứ, tâm, tâm pháp diệt trong xứ nhập này.

Hỏi: Nhập xứ và xứ nhập xứ khác nhau ở chỗ nào?

Đáp: Xứ xứ nhập tức là xứ nhập, hoặc xứ nhập không phải ngoại nhập của xứ xứ nhập. Nếu nội xứ nhập không có thì xứ nhập này không phải là xứ xứ nhập. Duyên khác không khởi xứ gọi là không phải phần, vì là chỗ trụ của xứ nên gọi là xứ xứ nhập.

Xứ không chỉ là xứ nhập, vì là cửa vào của xứ, giống như cửa sổ (Thiên trúc cho là cửa sổ, vì gió thổi vào). Vì là chỗ trú của xứ như Thánh trụ, cũng nên nói là thọ xứ nhập, đã nuôi lớn xứ của tâm, tâm pháp, vì xứ đem đến, xứ chuyển biến, vì sức của xứ hiện ở trước, cho nên gọi là xứ xứ nhập (Thánh trụ, Trung quốc gọi là Thánh trụ biên địa, gọi là chỗ ở của Di-ly-xa).

Hỏi: Một thân có mười hai nhập là thế nào?

Đáp:

*Dù ở trong một thân  
Việc đã làm đều khác  
Nương tự tánh của duyên  
Mười hai thứ phân biệt.*

Ở trong một thân có mười hai nhập, chỉ vì mỗi việc đều khác. Nếu việc là nhãn nhập thì việc này cho đến chẳng phải pháp nhập. Nếu sự là pháp nhập thì sự này cho đến chẳng phải nhãn nhập.

Hỏi: Những gì là sự nhãn nhập cho đến sự pháp nhập?

Đáp: Mắt do thấy sắc là sự, sắc do mắt thấy là sự, như thế cho đến pháp nhập. Ví như một nhà có mười hai người ở làm việc, việc mỗi người đều khác nhau, việc kia cũng giống như vậy. Vả lại, vì chỗ dựa và duyên khác nhau nên nói có mười hai, nghĩa là sáu thức thân có sáu

chỗ dựa, sáu duyên. Lại vì tự tánh phân biệt nên nói có mười hai, hoặc như tự tánh của nhãn cho đến chẳng phải tự tánh của pháp, hoặc tự tánh của pháp cho đến chẳng phải tự tánh của nhãn.

Hỏi: Mười hai nhập và phần ít của pháp nhập là sắc, vì sao lại nói riêng một xứ nhập là sắc nhập?

Đáp:

*Dù có rất nhiều sắc  
Chỉ nói một sắc nhập  
Nên biết một sắc nhập  
Là cảnh giới ba mắt.*

Cảnh giới của ba mắt trong sắc nhập kia gọi là sắc nhập: nhục nhãn, thiên nhãn và Thánh tuệ nhãn. Do sắc thô nên nói có hai mươi loại. Đó là sanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, ngay, không ngay, vuông, tròn, cao, thấp, mây, khói, bụi, sương mù, ánh, quang, sáng, tối. Trong tám sự như dài v.v... kia, có chia ra ba thứ, ngoài ra đều vô ký.

Hỏi: Tất cả mười hai nhập đều là pháp tánh vì sao chỉ nói một pháp nhập?

Đáp:

*Tất cả các pháp kia  
Dù đều là pháp nhập  
Trong pháp có rất nhiều  
Một pháp nhập, không khác.*

Tất cả pháp kia tuy đều là pháp nhập nhưng chỉ vì có rất nhiều pháp trong một nhập, đó là pháp sắc, pháp Vô Sắc, pháp tương ứng, pháp bất tương ứng, pháp hữu vi, pháp vô vi, thế nên chỉ nói một pháp nhập.

Lại nữa, ba tướng hữu vi, pháp tướng đó không trái nhau, vì tướng đó nhập vào pháp nhập, nên chỉ nói một pháp nhập. Vả lại, tất cả các pháp đều dùng danh để hiển hiện, danh đó nhập vào pháp nhập. Pháp là tướng chân thật, nghĩa là môn giải thoát không. Vì pháp trước là pháp giác, là trong không nhập pháp nhập, thân kiến có thể tự giác là không đúng, vì điên đảo chuyển. Pháp là nghĩa đệ nhất, nghĩa là Niết-bàn vắng lặng, là pháp nhập trong pháp nhập.

Hỏi: Đức Thế Tôn trong kệ kinh nói vô lượng nhập, vì sao chỉ nói mười hai nhập?

Đáp:

*Mười tất cả nhập kia  
Tám nhập, hai, bốn nhập*

*Và năm giải thoát nhập  
Đều thuộc về mười hai.*

Mười trong tất cả nhập, tám nhập trước và tám thẳng xứ là tánh của căn thiện vô tham, đều xếp vào pháp nhập. Nếu nhận lấy quyền thuộc thì tánh của năm ấm đều xếp vào ý nhập, pháp nhập. Mười trong tất cả nhập, hai nhập sau và bốn Vô Sắc nhập là tánh của bốn ấm, đều xếp vào ý nhập, pháp nhập.

Hai nhập nghĩa là chúng sinh Vô tướng nhập và chúng sinh phi tướng nhập. Chúng sinh Vô tướng nhập là tánh của mười nhập, trừ hương vị nhập. Nói bốn Vô Sắc là đã nói phi tướng nhập, nói năm giải thoát nhập là tánh tuệ, quyền thuộc là tánh của năm ấm, đều xếp vào ba nhập (thanh nhập, ý nhập, pháp nhập). Năm giải thoát nhập:

1. Phật nói liền được giải thoát.
2. Nghe xong tư duy đắc.
3. Nhân tự tụng kinh đắc.
4. Nhân người khác nói pháp đắc.
5. Quán nhân duyên đắc.

Hỏi: Đã nói mười tám giới là chủng loại có mười tám hay là danh có mười tám?

Đáp:

*Giới chủng nói mười bảy  
Hoặc nói là mười hai  
Cảnh giới, y là nương  
Phân biệt mười tám thứ.*

Mười tám giới, hoặc mười bảy thứ, hoặc mười hai thứ, nếu nhận lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu nhận lấy sáu thức thì mất ý giới. Ví như lấy riêng từng cây thì mất rừng, nếu lấy rừng thì mất cây. Thí dụ ngón tay, nắm tay, v.v... cũng giống như vậy. Nếu lấy ý giới thì mất sáu thức, nếu nhận lấy sáu thức thì mất ý giới.

Hỏi: Nếu vậy thì sao lại nói mười tám giới?

Đáp:

*Cảnh giới, nương, người nương  
Chia ra mười tám thứ.*

Vì ba việc nên nói mười tám giới, vì nương dựa, vì người nương tựa, vì cảnh giới. Nương tựa là sáu nương dựa: Nhân giới cho đến ý giới. Nương dựa nghĩa là sáu thức giới, từ nhãn thức giới cho đến ý thức giới. Cảnh giới nghĩa là sáu ngoại giới. Nếu nói tâm sau cùng của A-la-hán không sinh thức sau, không phải là ý giới, điều này không đúng, vì



duyên khác, nên thức sau không nối tiếp, như đất không có hạt giống.

Lại nữa, vì xúc nên lập mười tám giới, nhãn xúc có ba nhân duyên sinh, nghĩa là nhãn, sắc, thức. Như vậy cho đến ý, vì đồ dùng, vì thức ăn, vì người ăn. Đồ dùng là nhãn giới. Thức ăn là sắc giới, người ăn là nhãn thức giới.

Hỏi: Nên nói hai mươi một giới: hai nhãn, hai nhĩ, hai tỷ là sáu, thiệt giới, thân giới, bầy tâm giới, sáu ngoại giới?

Đáp:

*Hai nhãn nói một giới  
Vì hai chỉ là một  
Nhĩ, tỷ cũng như vậy  
Hai nói chung một giới  
Vì khiến thân đoan nghiêm  
Kia đều không mỗi một.*

Dù có hai nhãn mà nói một giới, vì chỉ có một, vì cùng một bốn đại tạo, vì có một cái thấy, không phải một mình có hai căn, vì là một thức nương dựa, hai nhãn một thức nương dựa cũng không nên hai căn, vì một thức dựa vào một xứ nhập. Cảnh giới của một nhập cũng đều thọ nhận cảnh giới của một nhập, hai nhãn cùng nhận lấy chung một sắc. Dùng một mắt để thấy sắc thì sẽ không rõ, hai mắt thấy sắc thì rõ hơn. Hai tai, hai mũi thành một giới, cũng nói như mắt. Vì trang nghiêm thân nên có hai mắt, hai tai, hai mũi. Vì kẻ một mắt, người ta không yêu kính, thế nên mắt, v.v... phải có hai, thân lưỡi chỉ có một. Như Phật Thế Tôn dù nói các thứ giới đều xếp vào mười tám giới, nay sẽ nói theo thứ lớp.

*Nếu có các giới khác  
Khế kinh của Phật nói  
Mỗi mỗi tùy tự tánh  
Đều nhập mười tám giới.*

Nếu Đức Thế Tôn nói giới khác đều xếp vào mười tám giới, vì ba việc: Dựa, người dựa và duyên. Như Đức Thế Tôn nói: “Kiều-thi-ca! Thế gian có các thứ giới, nghĩa là các kiến dùng giới để gọi, kiến đó đều xếp vào pháp giới”. Nếu kiến đó được nói là sáu mươi hai giới, như kinh Đa Giới và Khế kinh khác nói: “Dùng tên giới để nói nghĩa là đều tùy theo nghĩa của kiến kia, đều xếp vào mười tám giới”.

Hỏi: Giới, nhập, ấm khác nhau ra sao?

Đáp:

*Giới nói tất cả pháp*

*Pháp tức mười hai nhập  
Trừ ba pháp vô vi  
Còn lại là năm ấm.*

Tất cả pháp gọi là mười tám giới, không lia chỗ dựa, vì người dựa và duyên. Tất cả pháp tức là nói mười hai nhập. Bảy tâm giới là ý nhập, đây tức là nghĩa khác nhau. Trừ ba pháp vô vi, pháp khác gọi là năm ấm, vì thế lực chứa nhóm.

Hỏi: Nếu nói tất cả pháp là giới, giới tức là nhập, trừ ba pháp vô vi gọi là ấm, vì sao Đức Thế Tôn nói có ba thứ?

Đáp:

*Mâu-ni quán chúng sinh  
Dục, giải, căn không đồng  
Tánh hành ngu khác nhau  
Nên nói ấm, giới, nhập.*

Ba thứ mong muốn hiểu biết của chúng sinh là quảng, lược, trung. Quảng (rộng) là nói về giới, trung là nói về nhập, lược là nói về ấm. Căn hạ, trung, thượng cũng giống như vậy.

Đối với kẻ ỷ tánh buông lung thì, vì họ nói giới, nghĩa tánh là nghĩa của giới. Cậy vào của cải, kiêu mạn, buông lung thì vì họ nói nhập, nghĩa của môn chuyển vận là nghĩa nhập. Dựa vào thân mạng mà kiêu mạn, buông lung thì nói về ấm, là dùng pháp ấm tử. Đối với người mới bắt đầu tu hành, vì họ nói giới. Với kẻ tu hành ít vì họ nói nhập. Với người đã tu hành vì họ nói ấm. Đối với kẻ ngu về sắc, tâm thì vì họ nói giới, ngu về sắc vì họ nói nhập, ngu về tâm pháp vì họ nói ấm.

Hỏi: Ấm, nhập, giới có nghĩa gì?

Đáp:

*Chứa nhóm là nghĩa ấm  
Nghĩa chuyển vận nói nhập  
Nghĩa chủng tánh nói giới  
Ba thứ này khác nhau.*

Mười một thứ vô lượng như sắc, v.v... nói chung là sắc ấm, như kho tàng, như đoàn quân. Ví như bốn thứ quân, mỗi loại chúng đều khác nhau, gọi là quân chúng. Sắc cũng như vậy, tuy có mười một thứ nhưng đồng một sắc tướng, gọi là sắc ấm, như A-tỳ-đàm nói: “Khéo quán sắc ấm, nghĩa là một cực vi gồm thâu phần ít của một giới, một nhập, một ấm. Không khéo quán nghĩa là nói một cực vi gồm thâu một giới, một nhập, một ấm. Như sắc ấm, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng giống như

vậy”.

Nghĩa môn chuyển vận gọi là nhập, nghĩa là vì có cả khổ vui. Nghĩa chủng tánh là nói giới, nghĩa là như trong một núi có nhiều tánh: tánh vàng, tánh, bạc v.v... cũng vậy trong một thân có các thứ tánh, mỗi tánh đều khác nhau, nên nói là mười tám giới.

Hỏi: Vì sao nói mười tám giới, mười hai nhập và năm ấm, không thêm, không bớt?

Đáp:

*Cảnh giới nương, người nương,  
Pháp đo lường thích ứng  
Thế nên giới, nhập, ấm  
Không thêm cũng không bớt.*

Giới đo lường thích ứng, nghĩa là với sáu chỗ dựa, sáu người dựa và sáu duyên. Chỗ dựa kia nếu tăng thì không phải là chỗ dựa, vì không có người dựa. Nếu giảm thì người dựa sẽ không có chỗ nào để nương dựa. Tất cả nhập như vậy cũng đều lấy chỗ dựa và duyên làm đo lường. Vì sao ấm lại nhiễm đấm sắc? Vì nhiễm vương lạc thọ. Vì sao nhiễm vương lạc thọ? Vì tưởng điên đảo. Vì sao tưởng điên đảo? Vì tương ứng với phiền não, phiền não nương vào ý, ý tức là dựa vào ý, như chỗ nói ý duyên pháp sinh ý thức. Là chỗ dựa này, không có chỗ dựa nào khác, đã nói tự tánh của giới, nhập, ấm và nhân duyên, nay sẽ nói rộng về giới.

*Một khả kiến trong giới  
Lại nói tất cả giới  
Vô ký nói tám thứ  
Còn lại thiện, bất thiện.*

Một có thể thấy trong giới, nghĩa là sắc giới trong mười tám giới có thể thấy, có thể ngấm, ở chỗ này, ở nơi khác, cho nên có thể thấy. Lại nữa, chỉ cho ta biết về tâm hành của con người nên nói là có thể thấy. Lại nữa, vì tự hiện, nghĩa là mắt thấy được, nên biết có mười bảy, không thể thấy, vì không có tướng kia. Lại nói tất cả giới đều có thể thấy, vì cảnh giới của mắt tuệ, như nói kệ:

*Tất cả các pháp kia  
Người tuệ thấy vô ngã.*

Như A-tỳ-đàm nói: “Người hữu học thấy dấu, vì là thấy dấu ấn của bốn chân đế”. Thế nên, tất cả mười tám giới đều có thể thấy. Vô ký nói là tám thứ, nghĩa là tám giới vô ký, nghĩa là năm tình và hương, vị, xúc. Vì không có quả ưa thích, không ưa thích để ghi nhớ nên nói là vô

ký. Mười giới kia có thể ghi nhớ vì thiện và bất thiện. Nghĩa là bảy tâm giới của pháp sắc, thanh. Thân hành động thiện là sắc thiện. Thân hành động bất thiện là sắc bất thiện, sắc còn lại là vô ký. Như vậy miệng thốt ra tiếng động tịnh, bảy thức giới của tâm là thiện, tâm tương ứng với vô tâm (không hổ) vô quý (không thẹn) là bất thiện, ngoài ra là pháp giới vô ký. Nếu tâm tương ứng với tâm thì như tâm, nếu không tương ứng như phẩm Tập nói: Thiện có bốn thứ: tự tánh, tương ứng, cộng khởi, đệ nhất nghĩa. Tự tánh thiện nghĩa là sự hổ thẹn và ba căn thiện. Pháp tương ứng tức tâm, tâm pháp tương ứng với nó. Cộng khởi tức là nghiệp thân miệng do kia khởi lên và tâm bất tương ứng hành.

Đệ nhất nghĩa: Đó là Niết-bàn, đây là bốn thứ thiện. Tự tánh bất thiện nghĩa là không hổ, không thẹn, ba căn bất thiện. Pháp tương ứng tức là tâm, tâm pháp tương ứng với điều bất thiện đó. Cộng khởi tức là chỗ khởi ấy của nghiệp thân, miệng và tâm bất tương ứng hành. Đệ nhất nghĩa nghĩa là luân chuyển trong sự nguy hiểm, đều trái nhau, nghĩa là vô ký.

Hỏi: Tất cả pháp, nghĩa là mười hai nhập, chính là điều Đức Thế Tôn đã ghi nhận, vì sao lại nói là vô ký?

Đáp: Không do hoàn toàn không nói, nên gọi là vô ký. Thiện thì ghi nhận là thiện, bất thiện thì ghi nhận là bất thiện, vì không ghi nhận thiện, bất thiện nên nói là vô ký. Nếu là thời nhân quả thì ghi nhận nhân quả, lúc khác thì vô ký, hoặc có trường hợp không gọi là vô ký, như Khế kinh Ký Luận nói:

*Tất cả đều sẽ chết  
Luận này hoàn toàn ghi  
Tất cả chết lại sinh  
Đó gọi phân biệt luận.  
Nếu hỏi sinh thù thắng  
Đó gọi cật vấn luận  
Năm ấm chúng sinh khác  
Đây gọi chỉ ký luận.*

Hoàn toàn ký luận: Nếu có người hỏi: Tất cả chúng sinh đều chết phải chăng? Nên đáp thẳng rằng: Tất cả chúng sinh đều phải chết.

Phân biệt luận giả nói: Nếu có ai hỏi: Tất cả đều sẽ chết, chết rồi lại sanh phải chăng? Nên đáp theo thứ lớp rằng: Người có phiền não thì sau khi chết rồi sẽ sinh lại, người không có phiền não thì chết rồi không sinh lại nữa.

Cật vấn ký luận giả nói: Nếu có người hỏi: Đời sống con người có

thù thắng không thì nên hỏi ngược lại: Vậy ông từ đâu đến? Hỏi: Nếu họ nói vừa từ cõi trời đến thì nên đáp là thấp kém. Nếu họ nói vừa đến từ cõi ác thì nên đáp là: Vượt hơn.

Chỉ ký luận giả nói: Nếu có người hỏi ấm và chúng sinh là khác hay đồng? Thì phải im lặng. Vì sao? Vì lý do không thích hợp. Ví như có người hỏi con của gái bất dục có khéo cung kính không? Vì gái bất dục không có con thì đâu được đáp con của nó có cung kính hay không. Như vậy có ấm mà không có chúng sinh làm sao lại có được sự đồng và khác? Vì không thích ứng nên không đáp.

Phái A-tỳ-đàm nói: Hoàn toàn ký luận giả cho là nếu có người hỏi: “Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chẳng? Khéo nói giáo pháp chẳng? Đệ tử của Đức Thế Tôn có hưởng thiện chẳng? Sắc là vô thường, phải chẳng thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường? Khéo phân biệt khổ, tập, diệt, đạo chẳng?”, nên đáp thẳng rằng vì nghĩa lợi ích.

Phân biệt luận giả nói: Nếu họ nói nên vì tôi giảng nói pháp thì nên hỏi pháp có nhiều, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, ông muốn tôi nói pháp nào? Nếu họ nói hãy vì tôi giảng nói pháp quá khứ thì nên hỏi pháp quá khứ cũng nhiều, hoặc sắc ấm, hoặc thọ, tưởng, hành, thức ấm, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói sắc ấm thì nên hỏi sắc ấm cũng nhiều, hoặc thiện, hoặc bất thiện, vô ký, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói sắc thiện thì nên hỏi sắc thiện có bảy thứ, từ không sát sinh cho đến không nói lời thêu dệt, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói không sát sinh thì nên hỏi không giết hại có ba thứ: không tham, không sân, không si, tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Nếu họ nói xin giảng nói pháp không tham thì nên hỏi không tham có hai thứ tạo tác và không tạo tác, vậy tôi sẽ vì ông giảng nói pháp nào? Các lối lý luận như vậy gọi là phân biệt ký luận.

Cật vấn luận giả nói: Nếu có người hỏi pháp thì nên hỏi vặn lại: Pháp có rất nhiều, ông hỏi về pháp nào? Không vì phân biệt hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến tạo tác, không tạo tác. Nếu người đó với tâm dịu dàng thì sẽ vì họ phân biệt nói. Nếu họ là kẻ đua nịnh, không ngay thẳng thì nên hỏi ngược lại, để cho họ tự đáp, đó gọi là Luận cật vấn.

Chỉ ký luận giả nói: Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên, hay thế gian là vô biên? Các câu hỏi như vậy, như hư không, như tràng hoa, không thể ghi nhận thơm hay không thơm, đây gọi là chỉ ký luận. Đã nói về ký, vô ký, nay sẽ nói về mười hai hữu:

*Mười hai giới có đối*

*Một giới nói phần ít  
Mười giới, bảy có đối  
Một phần ít cũng vậy  
Nói cảnh giới có đối  
Chướng ngại cùng với duyên.*

Giới của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và bảy giới tâm, mười hai giới này gọi là có đối. Phần ít trong pháp giới cũng nói là có đối, đó là tâm pháp. Lại nữa, mười sắc giới nói là có đối, bảy tâm giới và phần ít pháp giới cũng nói là có đối.

Hỏi: Trong đây, những thứ nào có đối?

Đáp:

*Nói cảnh giới có đối  
Chướng ngại cùng với duyên.*

Ba thứ có đối: cảnh giới có đối, chướng ngại có đối và duyên có đối. Cảnh giới có đối như Kinh Thi Thiết đã nói: Mắt đối với sắc cho đến ý đối với pháp. Đã nói ý giới nên biết, là đã nói bảy tâm giới và phần ít pháp giới, cho nên phải biết phần ít một giới của mười hai giới, là có đối, năm giới ngoại và phần ít pháp giới là không có đối. Như các kinh ấy v.v.. nói nếu quán trên đất liền thì không quán dưới nước, nói rộng như vậy.

Sự chướng ngại có đối nghĩa là mỗi pháp đều đối nhau, mỗi chỗ đều chướng ngại. Nếu sự chướng ngại đó có một thì sẽ không có trụ thứ hai, vì sự nhóm họp của cực vi, vì sự chướng ngại, vì có thể phân biệt, vì căn cứ vào nơi chốn nên biết. Tám vô đối trong đây nên nói rộng.

Duyên có đối nghĩa là tâm, tâm pháp chuyển biến cảnh giới, cho nên nói rằng: Nếu cảnh giới của pháp có đối thì pháp đó sẽ chướng ngại có đối chăng? Nên chia làm bốn trường hợp:

1 . Hoặc cảnh giới có đối, không có chướng ngại có đối, nghĩa là bảy tâm giới và pháp giới tương ứng với tâm.

2 . Hoặc chướng ngại có đối, không phải cảnh giới có đối, nghĩa là năm giới ngoại.

3 . Hoặc cảnh giới cũng chướng ngại có đối, nghĩa là năm giới nội.

4 . Hoặc không phải cảnh giới, cũng không phải chướng ngại có đối, nghĩa là thuộc về pháp nhập, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Nếu cảnh giới của pháp có đối thì pháp đó sẽ duyên có đối chăng? Nghĩa là duyên có đối là cảnh giới có đối. Hoặc cảnh giới có đối không phải duyên có đối, nghĩa là năm giới nội.

*Hữu lậu có mười lăm  
Hai khác, ba ba hữu  
Trong cõi dục có bốn  
Mười một ở hai hữu.*

Mười lăm giới hoàn toàn hữu lậu, nghĩa là năm giới nội, năm giới ngoại, năm thức giới. Vì lậu sinh ra, vì sinh ra lậu, vì ở nơi lậu, vì khởi lên trong lậu, nên nói là hữu lậu. Như trước kia có sự sợ hãi, vì cùng có với lậu có nên nói là hữu lậu, như thức ăn trộn lẫn thuốc độc.

Hai thứ khác là ý giới, pháp giới, ý thức giới. Hai thứ của ba giới này hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, nếu từ hữu lậu sinh ra là hữu lậu, trái lại là vô lậu.

Ba ba hữu nghĩa là ý giới, pháp giới và ý thức giới, có thể đặc trong ba hữu là Dục hữu, Sắc hữu, Vô Sắc hữu.

Vô lậu là không trói buộc, trong ba cõi trong thân đặc, nhưng không phải là tự tánh đặc.

Trong cõi Dục có bốn, nghĩa là hương giới, vị giới và thức của cảnh giới này không phải ở cõi Sắc, Vô Sắc, vì đã lìa cách ăn vốc của cõi Dục. Ba nhập là tánh chất của cách ăn vốc. Cõi Sắc, Vô Sắc kia lẽ ra cũng không có xúc. Cõi Dục này thì không như vậy, tánh xúc nhập có hai thứ: hoặc là tánh ăn vốc, hoặc không phải cách ăn vốc, ở cõi Sắc không có tánh ăn vốc vì thân vi diệu. Hương, vị hoàn toàn là tánh ăn vốc, thế nên cõi kia không có. Vì cảnh giới không có nên thức ở cõi kia cũng không có.

Hỏi: Cõi Sắc kia không có hương vị, cũng không có thức của hương vị đó, thì tỷ giới, thiệt giới lẽ ra cũng không có phải chăng?

Đáp: Vì đủ các căn, vì các căn thay nhau giữ gìn. Mười một ở hai hữu nghĩa là Dục hữu, Sắc hữu. Năm nội giới, sắc, thanh, xúc giới và cảnh giới thức này. Mười một giới ấy không phải ở cõi Vô Sắc, vì lìa tánh sắc.

*Có giác, có quán năm  
Ba hành ba, khác không  
Có duyên phải biết bảy  
Pháp nhập nói phần ít.*

Có giác có quán năm: Nghĩa là năm thức giới có giác, có quán vì thô, cho đến cõi Phạm Thế, không phải địa trên.

Ba hành ba, nghĩa là ba chủng của ba cõi: ý giới, ý thức giới, tâm tương ứng với pháp giới. Cõi Dục và Sơ thiên có giác, có quán. Thiên trung gian không giác, có quán. Địa trên và tất cả pháp giới bất tương

ứng, không giác, không quán.

Hỏi: Pháp của địa có giác, có quán có bốn thứ: Hoặc có giác, có quán; không giác, có quán; không giác, không quán. Không giác, có quán, chẳng phải không giác, có quán, chẳng phải không giác, không quán.

Thế nào là có giác, có quán?

Đáp: Cõi Dục và Sơ thiền, các tâm, tâm pháp khác, trừ giác, quán.

Hỏi: Thế nào là không giác, có quán?

Đáp: Giác.

Hỏi: Thế nào là không giác, không quán?

Đáp: Sắc, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Thế nào là không giác, có quán, chẳng phải không giác, có quán, chẳng phải không giác, không quán?

Đáp: Quán giác khác không có, nghĩa là chẳng có giác, chẳng có quán, vì không có duyên. Hữu duyên nên biết là nói phần ít của bảy pháp nhập, nghĩa là bảy tâm giới gọi là hữu duyên. Vì có duyên này nên nói là hữu duyên. Như người có con, nói là người đó có con.

Phần ít pháp giới có duyên, nghĩa là phần ít tâm pháp không có duyên là không phải tâm pháp, nghĩa là nhãn thức và pháp tương ứng duyên với sắc cho đến thân thức và pháp tương ứng. Xúc duyên với, ý thức và pháp tương ứng duyên với tất cả pháp.

*Chín không thọ hai khác*

*Vô vi là chung một*

*Toàn bộ là hữu vi*

*Nên biết mười bảy giới.*

Chín không thọ, nghĩa là chín giới không nhận tên Thọ. Nếu căn số của sắc hiện tại và không lìa căn, nếu căn này bị đoạn hoại, phá vỡ, ép ngắt, thì tâm, tâm pháp thọ sẽ dừng lại ở nơi kia. Nếu khác thì không thọ, nghĩa là chín giới không thọ, bảy tâm giới, thanh giới, pháp giới vì không đoạn hoại.

Hai khác: Nghĩa là năm giới nội ở hiện tại là thọ, vì biết khởi sự đoạn, v.v... Quá khứ, vị lai là không thọ, vì tâm, tâm pháp không trụ. Nên sắc, hương, vị, xúc nếu hiện tại và không lìa căn là thọ, như tâm, tâm pháp dừng nghỉ trong căn, trong năm giới kia cũng vậy, vì không lìa căn.

Vì vô vi chung một, nghĩa là một pháp giới hữu vi, vô vi, trong đó có ba thứ: vì thường còn nên vô vi, vì pháp khác là vô thường, nên hữu



vi. Thế nên hữu vi, vô vi chung một.

Hoàn toàn là hữu vi, nên biết mười bảy giới, nghĩa là vì mười bảy giới vô thường, vì hoàn toàn hữu vi sinh diệt, vì ba tướng hữu vi đã thành, vì có nhân, vì rơi vào ấm, vì rơi vào thế gian, vì hạ trung, thượng. Trái ngược với trên là vô vi.

*Có tội và có báo  
Nhiễm ô và ẩn mất  
Tu tập thì có mười  
Có kiến trong một giới  
Cũng nói có tâm pháp  
Một giới là thấy tánh.*

Bảy tâm giới, sắc, thanh, pháp giới có hai thứ: hoặc có tội, hoặc không có tội. Nhiễm ô là có tội, không nhiễm ô là không có tội. Như có tội, như không có tội, sự nhiễm ô, ẩn mất cũng như vậy. Năm thức giới, sắc giới, thanh giới thiện, bất thiện là có báo, nếu vô ký là không có báo. Ý giới, ý thức giới, pháp giới, nếu bất thiện, thiện hữu lậu là có báo, nếu vô ký, vô lậu thì không có báo.

Hỏi: Vì sao bất thiện, thiện hữu lậu thì có báo, còn vô ký, vô lậu thì không có báo?

Đáp: Ví như hạt giống bên ngoài do ba yếu tố hòa hợp mới nảy mầm, có hạt giống chắc do nước tưới tiêu, do phủ lấp cỏ đất, cộng với công sức, tự tánh của nó với mọi công cụ đầy đủ, nên mầm lá mới mọc ra. Dù có hạt giống cứng chắc, nhưng vì không dùng nước để tưới, không dọn cỏ, lấp đất vào và vì các duyên không đủ nên hạt giống sẽ không nảy mầm, ra lá non. Có hạt giống không chắc, dù có tưới nước, dọn cỏ, lấp đất vào nhưng vì tự tánh của hạt giống không chắc thật nên mầm chồi không mọc.

Như sự khác nhau nơi ba việc của hạt giống bên ngoài như vậy, nhân bên trong duyên khởi, cũng có ba việc khác nhau. Như hạt giống ban đầu, pháp hữu lậu thiện, bất thiện vững chắc như thế, dùng nước ái tưới, lấy kiết khác để che lấp, do sức tự tánh của các duyên nên mầm được mọc lên. Như hạt giống thứ hai như vậy, pháp vô lậu vững chắc không tưới bằng nước ái và kiết khác che lấp, nhưng vì không đủ nhân duyên nên mầm không mọc.

Như hạt giống thứ ba, dùng pháp vô ký như vậy tuy có dùng nước ái để tưới, dùng kiết khác để ngăn che nhưng vì tự tánh của chúng không thật có nên không nảy mầm.

Tu tập thì có mười, nghĩa là bảy tâm giới, sắc giới, thanh giới

thiện là tu, bất thiện, vô ký là không tu, pháp giới thiện, hữu vi là tu, bất thiện, vô ký và thường diệt là không tu.

Hỏi: Vì sao bất thiện, vô ký và thường diệt là không tu?

Đáp: Vì quả ái nên tu, vì bất thiện, vô ký không có quả ái nên không tu. Tánh thường diệt là quả, vì sự sinh không nối tiếp nhau nên không tu. Phải biết tám giới không có tội, không có báo, không có nhiễm ô và không có ẩn mất, nên không tu.

Trong một giới có kiến, nghĩa là có tám thứ kiến trong pháp giới: năm kiến như thân kiến, v.v... kiến của thế tục, v.v... kiến học, kiến vô học. Vì kiến nghĩa là quán thấy, vì quyết định, vì nhận lãnh vững chắc, vì duyên vào sâu như đêm tối âm u, thấy sắc cấu uế, tuệ thấy pháp cũng như vậy, như đêm tạnh thấy sắc. Sự thấy của thế tục, v.v... cũng giống như thế, như ban ngày râm mát nhìn thấy sắc. Kiến học cũng như vậy. Như nhìn thấy sắc vào ban ngày tạnh ráo, kiến vô học cũng giống như thế.

Cũng nói có tâm pháp, nghĩa là pháp giới này có tâm pháp, tức thọ, tưởng, v.v... vì có tâm pháp ấy nên nói có tâm pháp. Nên biết mười bảy giới và phần ít của một giới không phải tâm pháp, vì một giới là tánh kiến.

Một giới là tánh kiến nghĩa là vì nhãn giới có thể ngắm nhìn, nên biết mười sáu giới và phần ít của một giới chẳng phải kiến.

Hỏi: Thế nào là thấy? Vì mắt thấy hay vì nhãn thức thấy? Vì tuệ tương ứng với nhãn thức mà thấy, hay vì sự hòa hợp mà thấy? Tất cả những chỗ nghi gì là có lỗi. Vì nếu nói mắt thấy thì tại sao thức khác phát sinh trong cùng một lúc, lại không thấy. Vì sao không đều có được tất cả cảnh giới? Nếu nói nhãn thức thấy thì tướng của thức không phải là tướng của kiến, người không có mắt lẽ ra cũng thấy. Nếu nói vì nhãn thức tương ứng với tuệ nên thấy thì lại do nhĩ thức tương ứng với tuệ nên nghe chẳng? Nếu nói do hòa hợp nên thấy thì điều này không nhất định, vì đôi khi nhãn thức hai mươi hai pháp, hoặc hai mươi mốt pháp, hoặc mười hai thì sao?

Đáp:

*Tự phân mắt thấy sắc  
Không phải nhãn thức thấy  
Không phải tuệ, hòa hợp  
Vì không thấy sắc ngại.*

Vì tự phân mắt thấy sắc, cho nên thức khác cùng lúc thì không thấy, vì thức khác đều có cái không, mắt hiện ở trước vì chẳng phải tự

phần. Vì lý do này nên không cùng có tất cả cảnh giới. Vì các căn của tự phần, vì không cùng với thức trụ căn, nên gọi là tự phần. Không có hai thức cùng hiện hành chung, không có duyên thứ đệ thứ hai.

Hỏi: Nếu mắt lìa không thấy sắc, thì đó là thức thấy chớ không phải mắt thấy, đâu cần dùng đến mắt?

Đáp: Thức đã thành mắt kia thì thành mắt kia, không phải phần thì nhân chẳng phải phần, như thọ không lìa tưởng, tưởng không lìa thọ, mắt kia cũng như vậy.

Nếu nhãn thức thấy thì cái gì nhận thức? Nếu tuệ thấy thì cái gì biết? Nếu do hòa hợp mà thấy thì việc hòa hợp của các pháp này đều khác nhau, nghĩa đó đã có gián đoạn thì sẽ không có sự hòa hợp. Nếu do hòa hợp mà thấy thì lẽ ra phải có hai quyết định của tự pháp, nghĩa này không đúng.

Nếu nhãn thức thấy thì lẽ ra thấy sắc chướng ngại, vì không có đối. Tuệ và hòa hợp cũng giống như vậy. Do nhãn thức không đối nên không nhận thức được sắc chướng ngại, rồi cho rằng không thấy là không đúng, vì cần phân biệt. Phân biệt nghĩa là nên nói vì sao nhãn thức không biết sắc chướng ngại? Nên nói là vì một cảnh giới của mắt chuyển biến, cho nên nhãn thức không biết được sắc chướng ngại, vì mắt có đối, vì có đối nên không thấy sắc chướng ngại, nên nhãn thức không nhận biết. Thức lẽ ra có hai tự tánh, hoặc biết hoặc thấy, thức khác cũng như vậy.

Vả lại, nếu nhãn thức thấy thì vì sao không nhận biết? Đã biết nhãn thức không biết được sắc chướng ngại, còn phải biết vì một cảnh giới của mắt chuyển biến, lại phải nói là chướng ngại, vì có đối dựa mà nói rằng không biết được sắc chướng ngại là không đúng, vì có đối, không đối và dựa. Nhãn thức có hai thứ dựa mắt và thứ lớp diệt ý. Nếu vì có đối dựa nên không thấy sắc chướng ngại. Nếu không đối dựa, thì lẽ ra phải thấy sắc chướng ngại, nói khác đi là có lỗi. Vì mắt là không cùng dựa, còn ý là cùng dựa mà không thấy sắc chướng ngại thì không đúng. Dựa là đối với tướng: Sắc, v.v... chẳng phải phần, cũng chẳng phải mắt là sắc, nhãn thức là sắc, cũng chẳng phải mắt không có duyên, không có duyên cũng vì chẳng phải mắt không tương ứng với nhau. Những thứ không tương ứng như vậy, v.v... đều có lỗi.

Lại nữa, ý cũng biết là không cùng dựa. Nếu nương vào ý mà nhãn thức sinh thì khi chưa từng nương vào ý kia mà thức khác vẫn sinh, vì mỗi tâm luôn chuyển biến nối tiếp nhau. Thế nên ý cũng là không cùng dựa chung, nên kiến và thức không gián cách, vì biết tức là kiến

thì không đúng, vì có bốn thứ không hư hoại. Đức Thế Tôn nói bốn thứ: Không hư hoại là kiến, văn, giác, thức. Nếu thức tức là kiến thì chỉ có ba thứ: Văn, giác và thức, kiến tức là thức thì không như vậy. Thế nên phải biết có mắt thấy và tác dụng phân biệt của thức mà kiến lập thành bốn loại thì không đúng, vì nhãn thức không thấy sắc chướng ngại là lỗi mà trước đây đã nói, do thức và kiến có danh nghĩa của chúng đều khác nhau, nhãn quang chiếu gọi là kiến, tâm phân biệt theo gọi là nhận thức.

Nếu nói là mắt thấy thì sắc kia lẽ ra phải cân xứng với nhãn lượng, là phạm lỗi tự sinh, vì thức không có hạn lượng. Vì thức không có hạn lượng nên Đức Thế Tôn nói mắt có thấy mà cho thức thấy là không đúng. Vì như nói pháp của ý thức, còn có thức ở trong pháp chăng? Nếu nói pháp của ý thức thì nên biết mắt cũng như vậy. Như Đức Thế Tôn nói: “Này Phạm chí! Mắt là cửa ngõ, vì nó thấy sắc nên cái thấy này có tên khác. Ông đã hiểu sai lời ta nói, vì tâm, tâm pháp đều không có phương hướng, nơi chốn mà lại nói có sự ra vào là không đúng”. Tức Khế kinh kia nói ý là cửa ngõ, vì biết pháp, không còn pháp nào khác trong đó biết pháp. Thế nên trong mắt tức là thấy (Từ câu “nhãn thức không phải thấy” đến đây gồm có bảy chương: Chương một là gạn hỏi, phân tích về không phải. Sáu chương còn lại là biện luận, phân tích, giải thích thức không phải thấy, nhằm hạn chế người lạ nêu lên chấp, sau cùng xem xét sự thật, nhằm bác bỏ sự sai trái để thành lập nghĩa của mình).

*Số cực vi có mười  
Chín giới bốn đại tạo  
Hai giới nói phần ít  
Nội giới nói mười hai  
Đây là tánh của căn  
Trong một giới có căn.*

Số cực vi có mười, nghĩa là mười sắc giới là tụ cực vi, vì có phần, vì ngăn che, vì trở ngại lớn, vì căn cứ nơi chốn. Nên biết tám giới không phải nhóm cực vi.

Chín giới bốn đại tạo nghĩa là trừ xúc giới, số còn lại là bốn đại tạo chín sắc giới khác vì nó do bốn đại tạo sinh ra, vì làm nhân cho bốn đại. Bốn đại và năm nhân của các giới này sinh ra: nhân sinh, nhân dựa, nhân kiến lập, nhân dưỡng, nhân trưởng.

Hai giới nói phần ít, nghĩa là hai giới sẽ phân biệt là xúc giới và pháp giới, hoặc bốn đại tạo, hoặc không phải bốn đại tạo. Trong xúc

giới, tánh bốn đại chứ chẳng phải bốn đại tạo, bốn đại tạo của bảy thứ sắc tạo, bốn đại tạo của nghiệp thân, miệng trong pháp giới, còn trong pháp giới khác không phải là bốn đại tạo. Bảy tâm giới không phải là bốn đại tạo, mười một loại, bốn đại nhãn nhập làm chỗ dựa, cho đến pháp nhập làm chỗ dựa, không phải ý nhập. Sắc tạo cũng có mười một loại, từ nhãn nhập cho đến pháp nhập, không phải ý nhập.

Hoặc có thuyết nói: Bốn đại, chỗ nương dựa của nhãn nhập, sinh ra nhãn nhập, số còn lại cũng như vậy. Có thuyết nói bốn đại, chỗ nương dựa của nhãn nhập, sinh ra ba nhập là nhãn nhập, thân nhập và xúc nhập. Như vậy cho đến chỗ nương dựa của thiệt nhập.

Sự khác nhau trong đây: Từ chỗ nương dựa của thân nhập tự căn, sinh ra hai nhập là thân nhập và xúc nhập, chỗ nương dựa của sắc, thanh, hương, vị nhập cũng như vậy, chỗ nương dựa của xúc nhập chỉ có sinh ra xúc nhập. Lại nữa, tất cả bốn đại sinh ra sắc, thanh. Tất cả sắc của cõi Dục đều không rời hương, vị, chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Chỗ nương dựa của nhãn nhập sinh ra bảy nhập: nhãn nhập, thân nhập và năm cảnh giới. Như vậy cho đến nơi nương dựa của thiệt nhập, thân nhập sinh ra sáu nhập, trừ bốn căn như: Nhãn, v.v... Chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Chỗ dựa của sắc nảy sinh ra năm nhập cho đến chỗ dựa của xúc nhập cũng như thế.

Có thuyết nói: Chỗ nương dựa của nhãn nhập sinh ra mười một nhập, cho đến chỗ nương dựa của pháp nhập cũng như vậy. Đối với nhân duyên bốn đại này, phân biệt bốn đại với tướng khác lạ, khởi sắc tạo của tướng khác lạ, nên có bốn trường hợp:

- 1 . Có bốn đại của tướng đồng, khởi tạo sắc của tướng khác.
- 2 . Có bốn đại của tướng khác, khởi tạo sắc của tướng đồng.
- 3 . Có bốn đại của tướng khác, khởi tạo sắc của tướng khác.
- 4 . Có bốn đại của tướng đồng, khởi tạo sắc của tướng đồng.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi tạo sắc của tướng khác? Nghĩa là bốn đại của tướng xúc sinh khởi mười một thứ tạo sắc.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi tạo sắc của tướng đồng? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động khởi tạo sắc của tướng xúc.

Thế nào là bốn đại của tướng khác khởi tạo sắc của tướng khác? Nghĩa là bốn đại của tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động khởi tạo mười một thứ tạo sắc.

Thế nào là bốn đại của tướng đồng khởi tạo sắc của tướng đồng? Nghĩa là bốn đại của tướng xúc khởi tạo sắc của tướng xúc.

Hỏi: Bốn đại và tạo sắc có khác gì nhau không?

Đáp: Bốn đại là nhân, tạo sắc là quả. Tướng cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lay động là bốn đại. Nếu sắc nào nhân bốn đại ra mà không có tướng của bốn đại thì sắc đó là tạo sắc. Lại nữa, sắc không thể thấy là bốn đại, sắc có thể thấy, không thể thấy là tạo sắc.

Các thuyết như vậy, v.v... nói nội giới có mười hai, nghĩa là năm giới sắc trong và bảy giới tâm. Mười hai giới này là giới trong, nên biết sáu giới là giới ngoài.

Hỏi: Vì pháp nói là trong hay vì con người mà nói là trong? Nếu vì pháp mà nói là trong, thì tất cả pháp sẽ không có tự, nếu vì con người mà nói là trong thì pháp sẽ không có con người?

Đáp: Vì pháp nên nói là trong, nhưng không phải tất cả pháp, vì là đối tượng nương dựa của tâm, tâm pháp nên nói là nội, ngoại giới, ý kia cũng nương dựa, cũng là người nương dựa, năm sắc giới kia là chỗ dựa, không phải người nương dựa, tâm pháp tuy là người nương dựa nhưng không phải chỗ dựa. Ngoài ra không phải chỗ dựa cũng không phải người nương dựa. Đây chính là tánh của căn, tức là mười hai thuyết căn. Trong một giới có căn nghĩa là mười một pháp trong pháp giới là căn, số còn lại không phải căn. Nên biết năm giới ngoài và phần ít của một giới không phải căn.

*Phần phần khác mười bảy*

*Một giới nói có phần*

*Mười bảy giới thuộc về*

*Một phần ít ba nghiệp.*

Phần phần khác mười bảy nghĩa là trừ pháp giới, giới khác nói là có phần và có phần khác. Nhân giới kia có phần, nghĩa là vì chia ra ba loại đời: Quá khứ đã thấy sắc, hiện tại đang thấy sắc và vị lai sẽ thấy sắc.

Có phần khác nghĩa là bốn loại: quá khứ không thấy sắc đã diệt, hiện tại không thấy sắc đang diệt. Đời vị lai có hai thứ: pháp không sinh và pháp sinh. Pháp sinh nghĩa là không thấy sắc sẽ diệt, sắc giới khác cũng như thế. Bảy tâm giới, nếu pháp vị lai bất sinh là Hữu phần, còn lại là có phần.

Một giới nói là có phần nghĩa là pháp giới hoàn toàn có phần, chẳng phải có phần khác, vì tất cả pháp giới đều là cảnh giới của ý thức. Nếu nói giới khác thì lẽ ra cũng chẳng phải có phần khác. Việc này không đúng, vì giới kia không do ý thức, nên lập có phần và phần khác, nghĩa là mắt thấy sắc là có phần, không thấy sắc là có phần khác. Sắc mà mắt

thấy là có phần, cái không thấy là phần khác.

Về sự khác nhau, nghĩa là nếu mắt là một có phần thì tất cả căn khác cũng là có phần. Nếu một phần khác thì tất cả căn khác cũng có phần khác. Nếu sắc mà mắt thấy là có phần, không phải có phần khác, tai, mũi, lưỡi, thân, tiếng, vị, xúc cũng vậy. Đệ nhất nghĩa như nói về mắt, tục số như nói về sắc.

Hỏi: Có phải pháp cộng hữu, hoặc có phần, hoặc phần khác chăng?

Đáp: Có. Mười sắc nhập hoặc có phần khác. Tướng: Sinh, v.v... của sắc kia là có phần, vì thuộc về pháp giới. Nếu ý pháp bất sinh là khác có phần. Pháp cộng hữu tương ứng với ý kia là có phần, vì thuộc về pháp giới.

Hỏi: Có phần và có phần khác có ý nghĩa gì?

Đáp: Lúc có phần nói là có phần.

Hỏi: Nhân giới có hai thứ: có nghiệp và phần không có nghiệp. Mắt kia là phần có nghiệp hay phần không có nghiệp? Vì phần có nên nói có phần. Một phần không có nghiệp của mắt kia cũng là phần có nghiệp, vì phần có nên cũng nói là có phần, cả hai phần đều được tướng có phần, vậy những số phần nào được gọi là phần?

Đáp: Phần không có nghiệp là phần có nghiệp, vì phần có nên nói có phần khác. Vì sao? Vì được có sức của phần nghiệp, như người có con, nghiệp kia cũng như vậy.

Mười bảy giới rơi vào thế gian nghĩa là vì mười bảy giới rơi vào việc ba đời nên nói là ba đời, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại. Nếu sinh khởi rồi diệt là quá khứ, nếu chưa sinh khởi là vị lai, đã sinh khởi chưa diệt là hiện tại.

Lại nữa, nếu chưa tạo ra thì nói là vị lai, nếu đang tạo ra nói là hiện tại, nếu đã tạo rồi diệt mất thì nói là quá khứ.

Một là sẽ phân biệt, nếu pháp giới là hữu vi thì rơi vào ba đời, còn vô vi thì không rơi vào ba đời.

Nghiệp là ba cõi có nghiệp, nghĩa là pháp giới sắc thanh. Thân của sắc giới tạo ra nghiệp, sắc giới khác không phải nghiệp. Thanh, khẩu giới tạo ra nghiệp này, thanh khác không phải nghiệp. Thân nghiệp, khẩu nghiệp và tư là nghiệp, pháp giới khác không phải nghiệp. Tướng nghiệp sẽ nói rộng trong phẩm Nghiệp.

*Phi học phi vô học*

*Phải biết mười lăm giới*

*Kia đều tu đạo đoạn*



*Giới khác đều ba thứ  
Ở trong ba giới đó  
Nói trì giới, phạm giới.*

Phi học, phi vô học phải biết là mười lăm giới, nghĩa là mười sắc giới, năm thức giới là phi học, phi vô học, vì hữu lậu chính là các giới này. Tu đạo dứt trừ vì trí đối trị.

Giới khác đều ba thứ nghĩa là ba giới khác: Ý giới, pháp giới, ý thức giới đều có ba thứ: Hoặc Học, hoặc vô học, hoặc phi học, phi vô học, hoặc kiến dứt trừ, tu dứt trừ, hoặc vô học dứt trừ. Ý tương ứng với học là học, nghĩa là khổ pháp nhãn cho đến ý tương ứng với Tam-muội Kim Cương là Học. Vô học tương ứng với ý là vô học, nghĩa là tận trí, trí vô sinh và vô học đẳng kiến tương ứng với ý là vô học. Phi học phi vô học tương ứng với ý là phi học phi vô học, nghĩa là thiện, nhiễm ô, vô ký. Thiện có ba thứ là: Phương tiện đắc, lia dục đắc và sinh đắc. Sự nhiễm ô có hai thứ: Bất thiện và vô ký ẩn mất. Vô ký có bốn thứ: Oai nghi, công xảo, sinh báo và biến hóa. Như ý giới, ý thức giới cũng vậy.

Pháp giới hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học, phi vô học, nghĩa là nghiệp thân miệng của bậc Hữu học thọ, tướng, hành ấm là học. Đây tức là vô học, thuộc về pháp giới, Thọ, tướng hành ấm của nghiệp thân, miệng hữu lậu và vô vi là nghĩa Học, Vô học, phi học, phi vô học (Về nghĩa học, vô học sẽ được nói rộng trong phẩm Nghiệp).

Nhãn đối trị của ba giới này là kiến dứt trừ, trí đối trị là tu dứt trừ, vô lậu là không có dứt trừ (Về nghĩa của kiến dứt trừ, tu dứt trừ sẽ nói rộng trong phẩm Sử).

Nói trì giới, phạm giới ở trong ba cõi kia, nghĩa là thân làm điều thiện ở cõi Sắc là trì giới, thân làm việc bất thiện là phạm giới. Thanh giới do miệng làm ra. Pháp giới chỉ là vô tác (Về tướng của trì giới, phạm giới, sẽ nói rộng trong phẩm Nghiệp).

*Mười bảy, nói có trên  
Một giới nói hai thứ  
Quả có quả mười bảy  
Một ba giác đã nói.*

Mười bảy nói có trên, nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới kia có trên, vì hữu vi.

Một giới nói hai thứ, nghĩa là pháp giới hoặc có trên, hoặc không có trên, pháp giới hữu vi và hư không chẳng phải thường diệt là có thường diệt trên, vì thiện, vì thường còn nên nói không có trên.



Quả có quả mười bảy: nghĩa là trừ pháp giới, mười bảy giới khác là quả có quả, vì là pháp hữu vi, tánh yếu kém, vì lần lượt làm nhân lẫn nhau mà sinh ra.

Một, ba giác đã nói, nghĩa là pháp giới có ba thứ: hoặc là quả chẳng có quả, hoặc là quả có quả, hoặc chẳng phải quả, chẳng có quả. Quả chẳng phải có quả nghĩa là thường diệt. Quả có quả nghĩa là pháp giới hữu vi. Không phải quả, không phải có quả, nghĩa là hư không chẳng phải thường diệt.

*Ba cõi ba thứ duyên*

*Một nương dựa cũng vậy*

*Năm, một hoặc phân biệt*

*Duyên khác chỉ nói một.*

Ba cõi ba thứ duyên, nghĩa là nhãn, nhĩ và ý thức giới có ba thứ duyên là thiện, bất thiện và vô ký. Năm, một nghĩa là năm thức dựa vào một thứ. Hoặc phân biệt, nghĩa là đều khởi năm căn và thứ đệ diệt ý. Nếu nhận lấy cùng sinh khởi và nương dựa thì một vô ký, vì năm căn chỉ có vô ký. Nếu nhận lấy thứ đệ diệt ý, thì sẽ có ba thứ, vì ý giới là thiện, bất thiện, vô ký.

Lại nữa, phần dựa và duyên thứ đệ phần của nhãn thức nên chia ra bốn trường hợp:

- 1 . Hoặc phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ.
- 2 . Hoặc phần duyên thứ đệ, không phải phần dựa.
- 3 . Hoặc phần dựa, cũng là phần duyên thứ đệ.
- 4 . Hoặc không phải phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ.

Phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ, nghĩa là nhãn thức cùng sinh khởi với nhãn căn. Phần duyên thứ đệ, không phải phần dựa nghĩa là tâm pháp thứ đệ diệt kia. Phần dựa cũng là phần duyên thứ đệ nghĩa là thứ đệ diệt ý. Không phải phần dựa, không phải phần duyên thứ đệ, nghĩa là trừ ba trường hợp trên cho đến thân thức dựa cũng như vậy.

Hỏi: Ý thức dựa là duyên thứ lớp phải chăng?

Đáp: Đúng vậy. hỏi: ý thức dựa là duyên thứ đệ, còn duyên thứ đệ không phải là ý thức dựa chăng? Đáp: Ý thức dựa tương ứng với tâm pháp.

Hỏi: Nếu nhãn thức lấy ý giới làm người dựa thì vì sao gọi là nhãn thức mà không gọi là ý thức?

Đáp: Vì mắt là pháp bất cộng y, như mầm của hạt giống, như tiếng trống. Mắt là không cùng dựa với nhãn thức, còn ý là dựa chung, vì sáu thức xoay vần nhau sinh duyên thứ lớp.

Duyên khác chỉ nói một, nghĩa là tử, thiệt, thân thức chỉ duyên vô ký, vì hương, vị, xúc hoàn toàn là vô ký. Ý giới tức sáu thức thân, vì ngoài sáu thức thân này không có thức nào khác nên không nói là pháp giới. Nếu tương ứng với tâm thì nên nói như tâm.

*Nếu mắt sinh theo thấy  
Nhĩ giới sinh theo nghe  
Ba cõi sinh theo giác  
Ý giới sinh theo thức.*

Nếu mắt tùy sinh, gọi là thấy, tai tùy sinh gọi là nghe, ba việc tùy sinh ra gọi là giác, ý tùy sinh ra gọi là thức. Ba giới kia dùng do phương tiện đắc, lia đục đục, tu đắc tánh thần thông của định quả của bốn chi, năm chi định. Cho nên mắt và tai kia tùy sinh mỗi thứ mà kiến lập riêng. Ba căn còn lại tùy sinh nhưng vì không có tướng phần của chúng nên kiến lập chung một.

Hỏi: Giác có nghĩa gì?

Đáp:

*Cảnh giới chỉ vô ký  
Tâm giác chuyển ở trong  
Tùy sinh ba thứ thức  
Đó được gọi là giác.*

Hương, vị, xúc hoàn toàn vô ký, vì vô ký nên là giác, cho nên tùy theo sinh ba thức gọi là giác.

*Hai cảnh không thọ gần  
Cảnh giới xa gần một  
Một hương khác thọ gần  
Chỗ dựa, cảnh giới thấy.*

Hai cảnh không thọ gần, nghĩa là nhãn thức, nhĩ thức là cảnh giới không thọ gần, như áp sát mắt vào sắc sẽ không thấy, tai cũng thế, đặt sát gần thì không nghe. Dù ở sâu bên trong nhưng vẫn nghe âm thanh xa từ bên ngoài.

Nếu nói là cách xa cũng không thấy, nghe thì bất luận cảnh giới xa hay gần, ý thức cũng đều nhận được hết, trừ chính mình, và những pháp tương ứng cộng hữu, tất cả pháp khác đều thọ nhận.

Một hương khác thọ gần, nghĩa là thọ cảnh giới gần tử, thiệt, thân thức nhận cảnh giới gần vì dựa vào duyên vô gián.

Chỗ dựa, cảnh giới thấy: Nghĩa là tử, thiệt, thân thức, ba thức này đều dựa vào cảnh giới, nhận lấy cảnh giới, v.v... Tử căn tiếp xúc với mùi hương nhỏ nhất, đồng đều mới sinh ra thức. Thiệt căn, thân căn

nhỏ nhạt cũng như vậy. (Nghĩa là ở chỗ căn, trần hoà hợp mới sinh ra thức).

*Hai giới nói bất định  
Cảnh một giới cũng vậy  
Năm giới dựa hoặc chung  
Một giới dựa nói xa.*

Hai giới nói bất định, nghĩa là nhãn thức, nhĩ thức dựa, duyên đều bất định. Nhãn thức giới hoặc chỗ dựa lớn mà duyên nhỏ, như thấy sợi lông, hoặc chỗ dựa nhỏ mà duyên lớn như thấy ngọn núi, hoặc chỗ dựa duyên bằng nhau như thấy quả nho. Nhĩ thức cũng như thế.

Cảnh một giới cũng vậy, nghĩa là cảnh giới của ý thức là cảnh giới bất định, hoặc lớn hoặc nhỏ, vì là cảnh giới của tất cả pháp, vì vô hình, vì lớn nhỏ không thể nói, vì lìa ý giới, sáu thức không có tự thể riêng, nên không nói tâm pháp như nói tâm.

Năm giới dựa hoặc chung: nghĩa là năm thức thân, hoặc chung với chỗ dựa, kết hợp nghĩa là năm căn, cách xa nghĩa là ý diệt theo thứ lớp. Một giới dựa nói xa nghĩa là ý thức giới nói là xa, là nói ý diệt theo thứ lớp của giới kia.

*Mười một giới có hai  
Sáu, ba, một, bốn thứ  
Sự và báo trưởng dưỡng  
Sát-na và dựa chủng.*

Mười một giới có hai, nghĩa là năm giới nội, thanh giới, năm thức giới có hai thứ.

Sáu có ba, nghĩa là sắc, hương, vị, xúc, ý giới, ý thức giới. Sáu giới này có ba thứ.

Một có bốn thứ: Nghĩa là pháp giới có bốn thứ.

Hỏi: Nói chủng loại có hai, ba, bốn là thế nào?

Đáp: Sự và báo trưởng dưỡng, sát-na và nương chủng. Nhãn giới kia có hai thứ báo và trưởng dưỡng.

Sinh báo kia: Nghĩa là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Ba đường ác là quả của nghiệp bất thiện, người trời là quả của báo thiện. Mắt và các dụng cụ, phạm hạnh, chánh thọ được trưởng dưỡng. Vì sự trưởng dưỡng này không có tánh chất nương dựa riêng, nên không nói. Sự nương vào sát-na cũng vậy. Như giới mắt, tai, mũi, lưỡi, thân giới cũng vậy. Thanh giới cũng có hai thứ trưởng dưỡng và nương dựa.

Hỏi: Vì sao âm thanh không phải báo?

Đáp: Vì phương tiện trong hiện tại phát sinh, âm thanh là phương

tiện hiện tại nảy sinh, báo nghĩa là nghiệp trước sinh khởi. Âm thanh nghĩa là tùy theo sự ham muốn sinh ra, còn báo chẳng phải tùy theo sự ham muốn sinh ra.

Lại nữa, mỗi âm thanh đều có báo nghe, báo không có gián đoạn. Nếu âm thanh là báo, lẽ ra sẽ như sắc, bất cứ lúc nào cũng không dứt, mà âm thanh thì có dứt, cho nên chẳng phải báo. Năm thức giới là báo sinh và chỗ dựa. Sắc, hương, vị, xúc giới có ba thứ là báo, chỗ dựa, trưởng dưỡng. Ba thứ báo của ý giới dựa vào sát-na. Sát-na nghĩa là khổ pháp nhãn cùng sinh với ý giới. Ý thức giới cũng giống như vậy.

Pháp giới có bốn thứ, đó là sát-na, báo, chỗ dựa, sự. Báo kia nghĩa là quả báo của nghiệp thiện, bất thiện. Sát-na nghĩa là quyền thuộc của khổ pháp nhãn. Chỗ dựa là trừ quyền thuộc của khổ pháp nhãn, còn lại pháp giới thiện hữu vi, trừ báo, còn lại là pháp giới hữu vi không ẩn một vô ký, pháp giới nhiễm ô. Pháp giới vô vi chỉ có sự.

*Sinh thân nhãn sắc giới*

*Tự địa và tha địa*

*Nếu nhãn thức kia sinh*

*Tự tha địa cũng vậy.*

Sinh cõi Dục, thân cõi Dục, mắt cõi Dục, sắc cõi Dục, nhãn thức cõi Dục sinh ra. Như vậy sinh ở địa Sơ thiên, với thân của địa Sơ thiên, mắt của địa Sơ thiên, sắc của địa Sơ thiên, nhãn thức của địa Sơ thiên sinh ra. Đó gọi là tự địa.

Tha địa nghĩa là sinh cõi Dục với mắt của địa Sơ thiên thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia và mắt của địa Sơ thiên, sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiên.

Thấy Sơ thiên, nghĩa là thân cõi Dục kia, mắt, sắc của địa Sơ thiên sinh nhãn thức địa Sơ thiên. Sinh cõi Dục, mắt của địa Nhị thiên trông thấy sắc cõi Dục, thân cõi Dục kia với mắt của địa Nhị thiên, sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiên. Thấy địa Sơ thiên nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Nhị thiên, sắc của địa Sơ thiên sinh nhãn thức của địa Sơ thiên.

Thấy Nhị thiên, nghĩa là thân cõi Dục kia, với mắt, sắc của địa Nhị thiên, nhãn thức của địa Sơ thiên sinh ra. Sinh cõi Dục với mắt của địa Tam thiên thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam thiên thấy sắc cõi Dục, nhãn thức của địa Sơ thiên sinh ra.

Thấy Sơ thiên, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam thiên thấy sắc của địa Sơ thiên sinh nhãn thức của địa Sơ thiên.

Thấy Nhị thiên, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tam

thiền thấy sắc của địa Nhị thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tam thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt, sắc của địa Tam thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Sinh cõi Dục, mắt của địa Tứ thiền thấy sắc cõi Dục, thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền trông thấy sắc cõi Dục. Thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc cõi Dục sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Sơ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc của địa Sơ thiền, nhãn thức của địa Sơ thiền sinh ra.

Thấy Nhị thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền không thấy sắc của địa Nhị thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tam thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt của địa Tứ thiền thấy sắc của địa Tam thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền.

Thấy Tứ thiền, nghĩa là thân cõi Dục kia với mắt sắc của địa Tứ thiền sinh nhãn thức của địa Sơ thiền. Như nói sinh cõi Dục, cho đến sinh lên đệ Tứ thiền cũng như vậy.

Có sự khác nhau nghĩa là mắt của địa dưới không trông thấy sắc của địa trên. Sinh địa trên, địa dưới, mắt không hiện hành ở trước.

*Nhĩ giới như trước nói*

*Tỷ, thiết giới tự địa*

*Thân xúc, tức nói địa*

*Ý thức thì rất nhiều.*

Nhĩ giới như trước nói nghĩa là như trước đây đã nói nhãn thức, nhãn thức cũng như vậy.

Tỷ giới thuyết tự địa nghĩa là sinh cõi Dục, thân cõi Dục, mũi cõi Dục, hương cõi Dục, tỷ thức cõi Dục sinh ra. Thiết giới cũng như vậy.

Thân xúc tức nói địa, nghĩa là vì thân thức có khác nhau: Sinh cõi Dục, thân cõi Dục, xúc cõi Dục sinh thân thức cõi Dục. Sanh Sơ thiền cũng như vậy. Sinh Nhị thiền, thân, xúc của Nhị thiền, sinh thân thức địa Sơ thiền, vì biết xúc của tự địa không phải sinh địa khác. Đệ tam, đệ Tứ thiền cũng như thế.

Ý thức thì rất nhiều: hoặc là ý của tự địa, pháp của tự địa, ý thức của tự địa sinh, hoặc tha địa. Hoặc tự địa nghĩa là sinh cõi Dục, ý của cõi Dục, pháp cõi Dục sinh ý thức cõi Dục, cho đến sinh lên Hữu tưởng, Vô tưởng xứ cũng như thế. Tha địa nghĩa là sinh cõi Dục lúc chánh thọ, tâm thiện cõi Dục kia theo thứ lớp chánh thọ của Sơ thiền, khởi ý cõi Dục kia sinh ý thức của địa Sơ thiền, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Tâm thiện cõi Dục theo thứ lớp của Sơ thiền được hiển hiện

ở trước. Ý của Sơ thiên kia, ý thức của cõi Dục nảy sinh pháp, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Theo thứ lớp Sơ thiên là chánh thọ của Nhị thiên. Ý của Sơ thiên kia sinh pháp ý thức của Nhị thiên, hoặc lệ thuộc hoặc không lệ thuộc ba cõi.

Như vậy đệ Nhị thiên Sơ thiên, Sơ thiên đệ Nhị thiên, Sơ thiên đệ Tam thiên, đệ Tam thiên Sơ thiên cho đến Hữu tưởng, Vô tưởng xứ, vượt qua theo thứ lớp nghịch thuận nên nói rộng.

Có sự khác nhau nghĩa là chánh thọ này là ý giới, chánh thọ kia là ý thức. Nếu thiên là ý thức, là pháp thì hoặc lệ thuộc cả ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Nếu Vô Sắc là ý thức, là pháp hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc. Nếu Vô Sắc là ý thức thì pháp kia ở tự địa, địa trên và không lệ thuộc.

Lại nữa, chánh thọ tịnh theo thứ lớp của Sơ thiên là quả của Sơ thiên cõi Dục và tâm biến hóa hiển hiện ở trước. Ý của Sơ thiên kia sinh ý thức cõi Dục.

Pháp là sự biến hóa của cõi Dục, tức là quả của Sơ thiên cõi Dục kia, Sơ thiên theo thứ lớp tịnh, hiển hiện ở trước. Ý của cõi Dục kia sinh pháp ý thức của Sơ thiên, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc cho đến Tứ thiên cũng như vậy.

Sinh là chết ở cõi Dục kia, sinh lên địa Sơ thiên, ý của cõi Dục kia sinh pháp ý thức của địa Sơ thiên, hoặc lệ thuộc cõi Sắc, Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc. Mất ở địa Sơ thiên, sinh cõi Dục, ý của địa Sơ thiên kia sinh pháp ý thức của cõi Dục, hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc, cho đến Hữu tưởng, Vô tưởng xứ cũng như thế.

Chết mất là ý thọ sinh, Sinh là ý thức, chỉ vì pháp của ý thức đó ở tự địa, địa trên và không lệ thuộc.

*Như kia đắc nhãn giới  
Hoặc kia nương dựa thức  
Cả hai đắc, không đắc  
Cũng là sắc và xả.*

Nếu kia đắc nhãn giới, nghĩa là hoặc nhãn giới không thành tựu, được thành tựu, đều không phải là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc, sinh đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiên, sinh cõi Dục, dần dần được nhãn căn. Hoặc nhãn kia nương thức, hoặc nhãn thức giới không thành tựu hay được thành tựu, đều không phải nhãn giới, nghĩa là mất ở địa Tam thiên trên, sinh cõi Dục và Sơ thiên. Nếu trụ ngay Sơ thiên, thì nhãn thức kia sẽ hiện tiền.

Cả hai đắc, nghĩa là hoặc nhãn và nhãn thức giới đều đắc: mất

ở cõi Vô Sắc, sinh cõi Dục và Sơ thiên. Cả hai đều không đắc, nghĩa là chẳng phải nhãn giới không thành tựu, được thành tựu, cũng không phải nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu. Nghĩa là sinh cõi Dục không mất nhãn căn và ở trên Phạm thiên. Nếu chết sinh lên Phạm thiên và cõi Dục, đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiên mất, sinh lên đệ nhị, đệ tam, đệ Tứ thiên. Chết ở Vô Sắc, sinh cõi Vô Sắc, cũng cõi Sắc. Nghĩa là nếu cõi Sắc không thành tựu, được thành tựu thì đó chính là nhãn giới không thành tựu, được thành tựu. Hoặc nhãn giới không phải sắc giới, nghĩa là sinh cõi Dục dần dần sẽ được nhãn căn. Nếu sắc giới không thành tựu, được thành tựu là nhãn thức giới kia chẳng? Về vấn đề này lẽ ra đặt ra bốn trường hợp:

1 . Sắc giới không thành tựu, được thành tựu, không phải là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc sinh lên cõi Tam thiên.

2 . Nhãn thức giới không thành tựu, được thành tựu không phải sắc, tức là chết ở Tam thiên kia, sinh cõi Dục và Sơ thiên. Nếu trụ ngay thiên đó, nhãn thức sẽ hiện tiền.

3 . Cõi Sắc không thành tựu được thành tựu, cũng là nhãn thức giới, nghĩa là chết ở cõi Vô Sắc, sinh cõi Dục và Sơ thiên.

4 . Không phải sắc giới cũng không phải nhãn thức giới, nghĩa là trừ ngần ấy việc trên. Với xả, nghĩa là như nói đắc, xả cũng nói rộng như thế.

*Hai thức, thức cõi Sắc  
Cho đến xúc cũng vậy  
Với mười ba giới khác  
Hoàn toàn ý thức duyên.*

Hai thức thức cõi Sắc nghĩa là: Hai thức thức cõi Sắc, là nhãn thức và ý thức, tự tướng của nhãn thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng cho đến xúc cũng vậy. Hai thức thức của thanh giới là nhĩ thức và ý thức. Tự tướng của nhĩ thức giới, tự tướng của ý thức giới và cộng tướng, cho đến hai thức thức của xúc, giới là thân thức và ý thức. Tự tướng của thân thức, tự tướng của ý thức và cộng tướng của ý thức, vì cảnh giới của tự tướng của năm thức thân, vì không tư duy, vì cảnh giới hiện tại vì một niệm.

Về mười ba giới khác, hoàn toàn ý thức duyên, nghĩa là năm tướng sắc căn, bả tâm giới và pháp giới. Mười ba giới này hoàn toàn là ý thức, tự tướng của thức và cộng tướng. Ý thức này có hai thứ duyên hư hoại và duyên không hư hoại. Duyên không hư hoại tức là sự duyên của mười ba giới này. Sự duyên hư hoại, nghĩa là mười ba giới với năm cảnh



giới, mỗi giới đều hợp duyên, cho đến duyên chung mười tám giới.

*Thức tư duy ba thứ  
Là ý trong dục hữu  
Phân biệt sắc, Vô Sắc  
Một chủng nói giới khác.*

Thức tư duy ba thứ là ý trong dục hữu, nghĩa là ý thức của cõi Dục có ba thứ tư duy: Tư duy tự tánh, tư duy tùy ức và tư duy phân biệt.

Tư duy tự tánh nghĩa là giác. Tư duy tùy ức nghĩa là niệm của ý địa. Tư duy phân biệt nghĩa là tuệ bất định của ý địa. Ba tư duy này là sự tư duy của ý thức cõi Dục.

Phân biệt cõi sắc, Vô Sắc nghĩa là ý thức của cõi Sắc, Vô Sắc có ba thứ: địa bất định Sơ thiên, nhập định có hai, bất định có ba, ý thức của ba thiên bất định có hai, trừ tư duy tự tánh. Nếu định là một, thì thuộc về tư duy tùy ức.

Có thuyết nói cõi Vô Sắc đều là nhất định, nghĩa là cõi Vô Sắc chỉ có một thứ là tư duy tùy ức. Nếu nói có bất định thì định có một, bất định có hai.

Một chủng nói giới khác, nghĩa là năm thức thân nói là giới khác chỉ có tư duy tự tánh, vì bất lợi.

Hỏi: Phân biệt pháp tướng như vậy rồi, thế nào là pháp gồm thân là tự tánh hay tha tánh?

Đáp: Là tự tánh vì sao?

*Các pháp lìa tha tánh  
Đều an trụ tự tánh  
Nên nói tất cả pháp  
Đều thuộc về tự tánh.*

Các pháp lìa tha tánh nghĩa là nhãn giới lìa mười bảy giới vì tánh khác, giới khác cũng như vậy. Không nên nói nếu lìa tánh là gồm thân, vì tướng khác nhau, nên mới nói thuộc về tự tánh, không phải tha tánh. Mỗi pháp đều tự trụ tánh của mình, nghĩa là tất cả tánh đều trụ nơi tự tướng, vì tánh này chẳng phải tướng khác, mà nên nói nếu trụ là sự gồm thân, không phải pháp khác.

Nói nghĩa gồm thân là thuộc về tự tánh của tất cả pháp, nghĩa là tự tánh của tự tánh là bất không, chẳng phải khác, như sắc của sắc là bất không.

Lại nữa, nói nghĩa giữ gìn nhau là sự gồm nhiếp, như Khế kinh nói: “Như ở giữa lầu quán, các cây đều nương dựa vào nhau để làm cho lầu quán càng thêm tốt đẹp”. Như kinh đã nói như chỉ tơ giữ lấy áo, như



then cửa giữ lấy cánh cửa, như búa giữ lấy củi.

Hoặc nói phương tiện gồm thâu, như nói trong năm sự gìn giữ này, tuệ là hàng đầu, nghĩa là vì gồm thâu. Hoặc nói thuộc về hòa hợp nghĩa là bốn nhiếp sự có thể nhiếp giữ chúng sinh.

Hoặc nói tùy thuận nhiếp phục, như Đức Phật nói đẳng kiến, đẳng chí, đẳng phương tiện đều là thân của tuệ. Hoặc nói vì gồm giữ nên gọi là thâu nhiếp, nghĩa là hòa với trên, do thuộc về tài pháp.

Trên đây là những lời nói của thế tục, không thuộc về rốt ráo. Tự tánh nhiếp tự tánh nghĩa là đệ nhất nghĩa rốt ráo, có ba giai đoạn gồm thâu. Giai đoạn nói ở đây là tự tánh nhiếp tự tánh nhiếp như vậy không bỏ đệ nhất nghĩa. Đã nói tự tánh gồm thâu, nhãn giới của mắt gồm thâu một giới, một nhập, một ấm, không gồm thâu mười bảy giới, mười một nhập, năm ấm.

Lại nữa, mắt phải gồm thâu mắt phải, mắt trái gồm thâu mắt trái. Mắt có hai thứ trưởng dưỡng và báo. Trưởng dưỡng thâu tóm trưởng dưỡng, báo thâu tóm báo. Báo lại có hai thứ: báo của nghiệp thiện và báo của nghiệp bất thiện. Nghiệp thiện gồm báo của nghiệp thiện. Báo của nghiệp bất thiện gồm báo của nghiệp bất thiện. Báo của nghiệp bất thiện có ba thứ, nghĩa là ba đường ác: Súc sinh gồm thâu súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục cũng như vậy. Báo của nghiệp thiện có hai thứ, nghĩa là người, trời. Người gồm thâu người, trời gồm thâu trời. Quá khứ gồm thâu quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến sát-na gồm thâu sát-na.

*Trong giới nói một giới Ấm nhập cũng  
như vậy Ấm nhập giới như thế Là gồm tất  
cả pháp.*

Một giới là pháp giới, một nhập là ý nhập, một ấm là sắc ấm.

